

Lam Son, ngày 12 tháng 11 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức : Công ty Cổ phần mía đường Lam Son
- Mã chứng khoán: LSS
- Địa chỉ trụ sở chính: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa
- Điện thoại: 02378.99.66.67
- Fax: 02373.834.092
- Người thực hiện công bố thông tin: Lê Văn Tam
Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố :

Thông báo về ngày họp và tài liệu Đại hội cổ đông thường niên cho năm tài chính 2017/2018(từ ngày 01/07/2017-30/06/2018)

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/11/2017. tại đường dẫn : <http://www.lasuco.vn/>, <http://www.lasuco.com.vn/>,

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Tài liệu đính kèm:

- Thông báo mời họp
- Chương trình đại hội
- Giấy ủy quyền và xác nhận
- Các báo cáo, tờ trình
- Dự thảo nghị quyết, điều lệ Công ty, Quy chế QT công ty
- Nội quy làm việc



Lê Văn Tam

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
Trụ sở: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa
GCNĐKKD số 2800463346 thay đổi lần 10 do Sở
KHĐT Thanh Hóa cấp ngày 04/10/2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lam Sơn, ngày 09 tháng 11 năm 2017

GIẤY MỜI
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2017-2018

Hội đồng Quản trị trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017-2018 của Công ty CP mía đường Lam Sơn với thông tin tổ chức như sau:

- Thời gian Đại hội:** 7 giờ 30' Thứ 7 ngày 25 /11/2017
- Địa điểm tổ chức:** Trụ sở Công ty, Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá
- Nội dung của Đại hội:**
 - Thông qua Báo cáo thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao của Hội đồng Quản trị
 - Thông qua Báo cáo về kết quả SXKD năm 2016-2017, phương hướng nhiệm vụ 2017-2018.
 - Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.
 - Tờ trình phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2016-2017.
 - Tờ trình kế hoạch SXKD năm 2017-2018
 - Tờ trình thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2017-2018
 - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2017-2018
 - Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty
 - Tờ trình sửa đổi Quy chế quản trị Công ty

Các tài liệu trên được công bố trên website của Công ty kể từ ngày 10 /11 /2017 theo địa chỉ www.lasuco.com.vn; www.lasuco.vn;

- Quý cổ đông/người được ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo và xuất trình các giấy tờ sau:
(1) CMND/Hộ chiếu/Bản sao Giấy CNĐKKD; (2) Thư mời; (3) Giấy ủy quyền hợp lệ (trường hợp được ủy quyền tham dự họp)

Quý cổ đông có thắc mắc hoặc cần biết thêm thông tin vui lòng liên hệ với Ban tổ chức Đại hội:

- Bà Đỗ Thị Thanh Hà - Tel: 0982.254.139; Email: hadtt@lasuco.vn
- Bà Lê Thị Ngọc Ánh - Tel: 0985 896 835 ; Email: anhlt@lasuco.vn

Điện thoại: 02378.996.667 Fax: 02373.834.092

Rất mong Quý cổ đông thu xếp thời gian đến dự đầy đủ và đúng giờ để đảm bảo cho thành công của Đại hội.

Trân trọng kính mời !

Tài liệu đính kèm:

- Chương trình Đại hội
- Mẫu giấy ủy quyền/xác nhận


LÊ VĂN TAM

DỰ THẢO**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2017-2018****Thời gian tổ chức:** Từ 7^h30 đến 12^h00 ngày 25/11/2017**Địa điểm tổ chức:** Trụ sở Công ty, thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

Thời gian	Nội dung
7h30 – 8h00	Đón tiếp, kiểm tra điều kiện tổ chức ĐH và Phát tài liệu cho cổ đông.
8h00-8h20	<u>Thủ tục Đại hội</u> 1. Tuyên bố lý do – Giới thiệu thành phần tham dự 2. Báo cáo kết quả kiểm tra điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 3. Giới thiệu và thông qua - Chương trình Đại hội - Thành phần Chủ tọa đoàn, Thư ký và Ban kiểm phiếu
8h20 – 9h40	<u>Nội dung Đại hội</u> 1. Phát biểu khai mạc Đại hội 2. Thông qua Nội quy Đại hội 3. Báo cáo thực hiện nhiệm vụ năm 2016-2017, mục tiêu, nhiệm vụ năm 2017-2018 của Ban điều hành 4. Báo cáo thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao của HĐQT 5. Báo cáo của Ban kiểm soát – Thư kiểm toán
9h40-10h15	<u>Thông qua các tờ trình:</u> 1. Tờ trình phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2016-2017 2. Tờ trình chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017-2018 3. Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán 4. Tờ trình thù lao và chi phí hoạt động cho HĐQT & BKS năm 2017-2018 5. Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty 6. Tờ trình sửa đổi Quy chế quản trị Công ty
10h15-10h30	Đại hội nghỉ giải lao
10h30 – 11h30	Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các vấn đề
11h30 – 12h00	Thông qua Biên bản và nghị quyết của Đại hội. Tuyên bố bế mạc Đại hội.

ICỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----------

**GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2017-2018**

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Tên cổ đông:

CMND/ Hộ chiếu/ Giấy chứng nhận ĐKKD số:..... cấp ngày:..... tại:

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức)

Số CMND..... cấp ngày..... tại.....

Địa chỉ: Điện thoại:..... Fax:.....

Số cổ phần sở hữu⁽¹⁾: cổ phần

Tôi/ Chúng tôi đồng ý ủy quyền cho người có tên dưới đây thay mặt tham dự và biểu quyết các vấn đề có liên quan tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017-2018 của Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn.

Thông tin người được ủy quyền:

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn**
- Họ và tên: Ông Lê Văn Tam
 - CMND/Hộ chiếu số: 170054761 cấp ngày: 16/04/2003 tại: Công an Thanh Hoá
 - Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá Điện thoại: 02378.996.667
- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn**
- Họ và tên: Ông Lê Văn Phương
 - CMND/Hộ chiếu số: 171744972 cấp ngày: 14/2/2012 tại: Công an Thanh Hoá
 - Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá; Điện thoại: 02378.996.667
- Cá nhân khác**
- Họ và tên:
 - CMND/Hộ chiếu số: cấp ngày: tại:
 - Địa chỉ: Điện thoại:

Tôi/ Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ của Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn, đồng thời cam kết không đưa ra bất cứ một khiếu nại, kiện cáo gì đối với Công ty liên quan đến việc ủy quyền cũng như việc thực hiện quyền của người được ủy quyền.

Lưu ý: Giấy uỷ quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2017-2018 vào ngày 25 tháng 11 năm 2017. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người thứ ba.

Cổ đông ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Người được ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

⁽¹⁾: số cổ phần sở hữu theo danh sách cổ đông tại ngày chốt 6/9/2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY XÁC NHẬN

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2017-2018

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Tên cổ đông:

CMND/ Hộ chiếu/ Giấy chứng nhận ĐKKD số: cấp ngày:..... Tại:

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức)

SốCMTND.....cấp Ngày.....tại.....

Địa chỉ:Điện thoại:.....Fax:.....

Số cổ phần sở hữu⁽¹⁾: **Cổ phần**

Tôi/chúng tôi xác nhận việc đến tham dự và thực hiện các quyền của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 -2018 của Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn tổ chức ngày 25 /11/2017 tại Trụ sở Công ty, Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá.

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG

ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức)

⁽¹⁾: số cổ phần sở hữu theo danh sách cổ đông tại ngày chốt 6/9/2017

Lam Sơn, ngày 10 tháng 11 năm 2017

DỰ THẢO

NỘI QUY LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2017-2018

Ngày 25 tháng 11 năm 2017

Nội quy này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người tham dự Đại hội và các bên tham gia Đại hội; quy định về điều kiện và thủ tục tiến hành Đại hội, thể thức biểu quyết công khai.

Điều 1: Nguyên tắc làm việc của Đại hội

1. Đảm bảo nguyên tắc làm việc công khai, công bằng, dân chủ.
2. Vì quyền lợi của cổ đông và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của Công ty.

Điều 2. Điều kiện tham dự Đại hội

Các cổ đông có tên trong danh sách tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 3. Trật tự của Đại hội

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc lịch sự, trang nhã
2. Cổ đông khi tham dự ngồi đúng vị trí, khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định.
3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo quy định của Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật.
2. Mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội mang theo chứng minh nhân dân (bản chính hoặc bản sao công chứng) hoặc hộ chiếu, thư mời họp, giấy ủy quyền họp lệ (trường hợp được ủy quyền tham dự họp) cho Ban kiểm tra điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông đối chiếu và được nhận Thẻ biểu quyết công khai.
3. Có quyền phát biểu trực tiếp tại hội trường hoặc ghi ý kiến vào phiếu ghi ý kiến đóng góp và gửi cho Ban tổ chức Đại hội giải quyết, ý kiến đóng góp bằng văn bản có giá trị như ý kiến phát biểu trực tiếp tại Đại hội. Khi có nhu cầu phát biểu trực tiếp tại Hội trường, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền phải đăng ký với

Đoàn chủ tọa Đại hội. Khi được mời phát biểu cổ động phải nêu rõ tên và trình bày nội dung cần phát biểu. Nội dung phát biểu cần ngắn, gọn, đúng trọng tâm phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ động phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ động.

4. Cổ động hoặc người đại diện theo ủy quyền có nghĩa vụ đến họp đúng giờ, trong trường hợp đến họp muộn vẫn được tham dự và tham gia biểu quyết ngay nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.
5. Tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa đoàn và Ban tổ chức Đại hội, không gây rối hoặc gây mất trật tự trong Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm tra điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên do Ban kiểm soát Công ty thực hiện, có trách nhiệm:
 - a. Kiểm tra điều kiện tham dự Đại hội của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp, kiểm tra tỉ lệ cổ đông dự Đại hội.
 - b. Phát thẻ biểu quyết và tài liệu cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.
 - c. Báo cáo kết quả kiểm tra điều kiện tiến hành tham dự Đại hội
2. Ban kiểm tra Điều kiện tiến hành họp Đại hội cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu có 3 người do Chủ tọa đoàn đề cử và được Đại hội thông qua. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm.
 - a. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại đại hội
 - b. Tiến hành kiểm đếm thẻ biểu quyết công khai tổng hợp và công bố kết quả biểu quyết của từng vấn đề.
 - c. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn từ khiếu nại về kết quả biểu quyết
2. Nếu cần thiết Chủ tọa thành lập bộ phận giúp việc cho Ban kiểm phiếu để hoàn thiện nhiệm vụ của mình.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa đoàn và thư ký Đại hội

1. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa Đại hội (Điều 142, Khoản 2, Mục a và Điều 152, Khoản 3, Mục đ Luật Doanh nghiệp 2014).
2. Quyền và nghĩa vụ Chủ tọa.
 - a. Điều khiển Đại hội đúng theo chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội cổ đông thông qua.

- b. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- c. Có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
 - (i). Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp
 - (ii). Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - (iii) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 3 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHCĐ trái với quy định tại Mục c, Khoản 2, Điều này, ĐHCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

- d. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.
- e. Quyết định về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

3. Ban thư ký có trách nhiệm:

- a. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội.
- b. Tiếp nhận chuyển cho chủ tọa đoàn phiếu đóng góp ý kiến của các cổ đông.
- c. Soạn thảo biên bản cuộc họp và nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
- d. Thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa đoàn.

Điều 8. Trình tự tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Cách thức tiến hành Đại hội
 - a. Đại hội thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Quyết định của Đại hội được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận ngoại trừ các vấn đề quy định tại Điều 8, khoản 2 điểm c dưới đây.
 - c. Đối với các vấn đề sau phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận:

- (i). Bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - (ii). Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - (iii). Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - (iv). Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - (v). Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Công ty.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: các nội dung tại cuộc họp phải được ban thư ký ghi vào biên bản. Biên bản được lập và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ theo quy định.

Điều 9. Biểu quyết thông qua các vấn đề của Đại hội

1. Tất cả các vấn đề chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả các cổ đông bằng phiếu biểu quyết (trừ các vấn đề được thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín). Mỗi cổ đông tham dự Đại hội sẽ được cấp phiếu biểu quyết tương ứng số cổ phần được quyền biểu quyết. Phiếu biểu quyết ghi thông tin về cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết.
2. Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ phiếu biểu quyết công khai.
3. Đại hội thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách xác định số phiếu biểu quyết tán thành, sau đó xác định số phiếu biểu quyết không tán thành cuối cùng xác định số phiếu biểu quyết không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

**T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NIÊN ĐỘ 2016/2017
KẾ HOẠCH SXKD NIÊN ĐỘ 2017/2018 – MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH
(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017/2018)

PHẦN I
TÌNH HÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NIÊN ĐỘ 2016/2017

Thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016/2017, Ban điều hành xin báo cáo kết quả như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh (%)
Tổng doanh thu (có VAT)	Tỷ đồng	2.150	2.127	98,93%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.049	2.023	98,73%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	120	123,2	102,6%
Cổ tức	%	10	10	100%
Nộp ngân sách	Tỷ đồng	90	82,2	91,3%

Với trách nhiệm được giao, Ban điều hành và tập thể người lao động đã cố gắng nỗ lực bám sát nhiệm vụ, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Nghị quyết đã đề ra, so với niên độ 2015/2016 có bước tăng trưởng cao hơn, doanh số tăng 12%, lợi nhuận tăng 20%, cổ tức đạt 10%, thu nhập của người lao động tăng 7%... Với một số giải pháp chính đang tạo đà cho sự phát triển, cụ thể như sau:

1- Vùng nguyên liệu mía được củng cố và tổ chức lại.

- Từ đầu đến giữa niên độ đã xúc tiến triển khai ký kết hợp đồng với các xã, tổ chức lại vùng nguyên liệu mía từ 113 xã, 4 NTQD thuộc 10 huyện xuống còn 40 xã trọng điểm, trên địa bàn 5 huyện với diện tích ổn định 13.000ha.

- Sau nhiều năm áp ử, Dự án GIS - Ứng dụng điện toán đám mây quản lý vùng nguyên liệu gắn với điều hành thu hoạch vận chuyển vụ 2016/2017 đã được triển khai và áp dụng, đã có chuyển biến mạnh công tác điều hành – tạo niềm tin cho người trồng mía.

- Xây dựng lại lực lượng làm nguyên liệu, thành lập **Công ty TNHH MTV đầu tư phát triển nguyên liệu** để tập trung đầu mối quản lý từ việc ký hợp đồng đến cung ứng các dịch vụ chăm sóc, cày bừa, phân bón, chuyên giao công nghệ...

Tuy nhiên, cũng có những khó khăn tình trạng đất đai vẫn manh mún, quy mô nhỏ lẻ, mặc dù đã tăng quy mô hộ từ 0,4ha lên 1,1ha/hộ nhưng cũng cần có thời gian thì quy mô, diện tích với tăng lên được. Mục tiêu đến năm 2020 đạt bình quân 5ha/hộ, đến năm 2025 bình quân 20 ha/hộ.

2- Sản xuất chế biến tinh gọn và nâng cao hiệu quả.

- Đã tổ chức lại lực lượng lao động cho sản xuất, rà soát xét tinh gọn từ 289 người rút xuống còn 220 người, trách nhiệm tay nghề & hiệu quả sản xuất chế biến tăng lên, các tổn thất giảm đáng kể và tiết kiệm được vật tư, hóa chất.

- Soát xét đổi mới công tác kiểm tu sửa chữa thiết bị với chất lượng cao hơn, đến nay đã ổn định và đảm bảo cho sản xuất, tiết kiệm được chi phí, tiết kiệm vật tư và đã sẵn sàng cho vào vụ ép.

- Tập trung chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm nâng cao chuỗi giá trị ngành hàng và nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới cạnh đường sau đường theo hướng hữu cơ – “***Vì chất lượng cuộc sống con người***”, từ chỗ chỉ có 3 sản phẩm đến nay đã có 14 sản phẩm là cơ sở để phân đấu có 40 loại sản phẩm từ mía đường vào năm 2020.

3- Công tác thương mại tập trung cao và chú trọng.

- Công tác thương mại đã tập trung quyết liệt và đặt lên vị trí trọng tâm, thành lập tổ chức đưa vào hoạt động Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn đã thúc đẩy mạnh mẽ công tác thương mại – thị trường nên trong tình hình giá cả giảm sút nhưng vẫn giữ được ổn định, tăng trưởng.

- Triển khai, bao phủ hàng hóa tất cả các đại lý, các cửa hàng, siêu thị trên 27 huyện, thị địa bàn Tỉnh; Phát triển được hệ thống khách hàng từ Đà Nẵng trở ra trên 18 tỉnh thành với hơn 123 cửa hàng và phân đấu trong niên độ 2017/2018 sẽ phủ hết tất cả các miền Bắc, miền Trung và một số tỉnh phía Nam.

- Chú trọng, xây dựng quan hệ hợp tác với các đối tác trong nước, ngoài nước phát triển thị trường, phát triển các sản phẩm mới đang mở ra những cơ hội cho giai đoạn 2018 – 2020, đưa Công ty lên bước phát triển mới.

4- Các dự án, chương trình được triển khai đồng bộ.

- Chương trình sản xuất các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, sản phẩm lúa gạo hữu cơ tiếp tục tập trung phát triển mạnh, sản phẩm đã được người tiêu dùng mến mộ và đánh giá cao; Công nghiệp chế biến và công tác bảo quản sau thu hoạch nâng cao giá trị sản phẩm đang được nghiên cứu và triển khai đồng bộ.

- Dự án các sản phẩm tre trúc, sinh thái tâm linh tập trung triển khai các thủ tục với nhà nước như quy hoạch, phê duyệt quy hoạch 1/500 và đồng thời đang tiến hành các bước giải phóng mặt bằng và làm việc với các đối tác, các nhà đầu tư...chuẩn bị cho các bước tiếp theo của Dự án.

Các chương trình, dự án đặt ra có rất nhiều tiềm năng thúc đẩy cho phát triển lâu dài nhưng công tác triển khai còn chậm. Ngoài yếu tố khách quan do thủ tục nhà nước rườm rà, chậm trễ thì nội bộ cũng chưa thật quyết liệt, các nguồn lực chưa được tập trung cao, cần phải cải thiện trong giai đoạn triển khai tới.

Tóm lại: Niên độ 2016/2017 tuy rằng hết sức khó khăn, nhưng chúng ta hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, những thành quả to lớn tiếp tục khẳng định vị thế mới, khẳng định sự cố gắng nỗ lực của tập thể ban lãnh đạo, đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động, khẳng định mối quan hệ phát triển...Đặc biệt, Hội thảo Quốc tế và Tổng kết 22 năm ngành mía đường thành công, đã tạo được tiếng vang,

tạo niềm tin mới cho cổ đông, cho khách hàng, người tiêu dùng và bà con trồng mía đang là động lực to lớn cho sự phát triển của LASUCO.

PHẦN II

KẾ HOẠCH SXKD NIÊN ĐỘ 2017/2018 – MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH

Bối cảnh:

Thị trường ngành đường tiếp tục ảm đạm và ngày càng khó khăn hơn do tồn kho tăng, giá bán giảm sâu; Tâm lý chờ đợi “giờ G” khi Hiệp hội thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) có hiệu lực từ 1/1/2018, cùng với hậu quả của trận lũ lụt lịch sử tháng 10/2017 đã và đang ảnh hưởng lớn đến vùng nguyên liệu mía, làm cho càng khó khăn hơn.

Tuy nhiên, chúng ta có thuận lợi đã triển khai mạnh chương trình tái cấu trúc, định vị và định hướng cho bước phát triển mới, cụ thể:

1- Chuyển từ sản xuất tăng trưởng theo số lượng sang tập trung cao sản xuất kinh doanh tăng trưởng xanh bền vững, lấy chất lượng làm chính, lấy giá trị gia tăng làm trọng. Tập trung vào chế biến sâu, khai thác tối đa các phế phụ phẩm thành những sản phẩm có ích và có giá trị cao, chuyển mạnh sang sản xuất các sản phẩm hữu cơ, mục tiêu “Vì chất lượng cuộc sống con người - vì sức khỏe của cộng đồng”.

2- Phát huy kết quả niên độ 2016/2017, phát huy mạnh mạng lưới thương mại kể cả bán buôn, bán lẻ, kể trong nước và vươn ra khu vực ASEAN.

3- Xây dựng và phát triển chuỗi giá trị mối quan hệ hợp tác liên kết bền vững từ đồng ruộng cho đến Nhà máy, đến người tiêu dùng và cho đến tận bàn ăn để nâng cao giá trị, gia tăng hiệu quả cho doanh nghiệp và các đối tác.

Phấn đấu đưa tăng trưởng hàng năm từ 20% trở lên, mục tiêu đến niên độ 2019/2020 đạt 5.000 tỷ đồng doanh thu, 500 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, cổ tức 18-20%, giá cổ phiếu ít nhất đạt bằng giá trị thực sổ sách.

Trước mắt, niên độ 2017/2018 Ban điều hành xây dựng mục tiêu và các giải pháp cụ thể trình ra Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

I. KẾ HOẠCH SXKD NIÊN ĐỘ 2017/2018 (1/7/2017 – 30/6/2018).

TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NIÊN ĐỘ 2016/2017	KẾ HOẠCH NIÊN ĐỘ 2017/2018	SO SÁNH (%)
1	Tổng doanh thu (có VAT)	2.127	2.500	117,5
2	Doanh thu thuần (tỷ đồng)	2.024	2.380	117,6
3	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	123	125	101,6
4	Nộp ngân sách (tỷ đồng)	82	85	103,4
5	Cổ tức (%)	10	12	120

II. NHIỆM VỤ VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH.

1- Giải pháp phát triển vùng nguyên liệu mía bền vững, ổn định.

- Tập trung cao, quyết liệt tổ chức lại nghề trồng mía, liên kết với các Xã hình thành các HTX mới tại 40 xã trọng điểm, quy hoạch lại đồng ruộng, dồn điền đổi thửa đưa diện tích bình quân từ 1,1ha/hộ lên 3ha/hộ và đạt bình quân 5ha/hộ

vào năm 2020 gắn với xây dựng cánh đồng lớn, hạ giá thành và nâng cao thu nhập cho người trồng mía.

- Tổ chức lực lượng chuyên gia khoa học kỹ thuật để hướng dẫn & ứng dụng các kỹ thuật canh tác cho người dân, tiếp tục đầu tư cơ giới hóa đồng bộ, đặc biệt là cày sâu và tưới nước, phát triển các bộ giống mía năng suất chất lượng cao, sạch bệnh.

- Vụ ép 2017/2018 chỉ đạo nghiêm túc, thực hiện mục tiêu 3 KHÔNG của HĐQT đã đề ra là: Không có hộ có diện tích dưới 1ha; Không có mía năng suất dưới 70 tấn/ha và Không có mía dưới 8 CCS, đưa năng suất mía toàn vùng đạt 75 tấn/ha trở lên.

2- Giải pháp về kỹ thuật sản xuất - chế biến.

- Bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị tốt nhất và chuẩn bị các điều kiện cho sản xuất như vật tư hóa chất, đào tạo lao động. Đồng thời tiếp tục rà soát xét và tinh giản lao động để nâng cao năng suất, nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Xây dựng phương án & tổ chức điều hành sản xuất thông suốt từ đồng ruộng đến Nhà máy, tuyệt đối không được để mía lưu bãi quá 24 giờ, không có sự cố thiết bị và duy trì năng suất ép ổn định đạt hiệu quả, đảm bảo cơ cấu sản phẩm theo kế hoạch đề ra.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển (R&D) các dòng phẩm mới, sản phẩm cạnh đường, sau đường và mở rộng chuỗi giá trị ngành đường, phát triển các dòng sản phẩm hữu cơ (organic) mục tiêu “*Vì chất lượng cuộc sống, vì sức khỏe cộng đồng*”, nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả SXKD.

3- Giải pháp về thương mại – thị trường và xuất nhập khẩu.

- Phát huy lợi thế dẫn đầu về công nghệ, sản phẩm chất lượng cao và ổn định, giữ vững thị trường trong nước, tiến tới mở rộng thị phần xuất khẩu, khẳng định năng lực cạnh tranh trong ngành mía đường Việt Nam. Tăng cường công tác xuất nhập khẩu phát triển các dòng sản phẩm mới, sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao theo nhu cầu của thị trường...

- Tiếp tục xây dựng và phát triển kênh phân phối, bán lẻ, hệ thống chăm sóc khách hàng ở 40 tỉnh thành cả nước, mở rộng đầu ra cho sản phẩm trên tất cả tỉnh thành phía Bắc, chú trọng đối với các sản phẩm đường và sau đường theo phương pháp hữu cơ, các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao.

- Hoàn thiện hệ thống nhận diện thương hiệu, tập trung thúc đẩy công tác truyền thông và các chiến dịch Marketing cho sản phẩm mới. Tiếp tục ứng dụng công nghệ truyền thông bằng các công cụ mạng xã hội nâng cao chất lượng hình ảnh thương hiệu sản phẩm và thương hiệu Tập đoàn.

4- Giải pháp tổ chức – quản lý điều hành.

- Kiểm soát chi phí, tối ưu hóa nguồn lực, cắt giảm tối đa chi phí và các lãng phí trong hoạt động SXKD của Công ty. Chăm lo lợi ích của người lao động, khuyến khích nâng cao năng suất lao động ở tất cả các đơn vị, các công đoạn... hạ giá thành sản xuất để đủ sức cạnh tranh.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, vận hành theo hướng năng động, tự chủ, sáng tạo cho sản xuất, tiết giảm tối đa các tổn thất trong sản xuất... xây dựng và thực hiện cơ chế gắn trách nhiệm với tiền lương, tiền thưởng của cá nhân và đơn vị, nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.

- Đổi mới và tăng cường công tác thông tin truyền thông, xây dựng mối quan hệ bền chặt với các cổ đông, với các Nhà đầu tư và thường xuyên quan tâm đến giá trị cổ phiếu...

5- Sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực triển khai các Dự án đầu tư:

Vốn đầu tư niên độ 2017/2018 dự kiến 400 tỷ đồng, tập trung ở các Dự án:

- Dự án đầu tư công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam, dự kiến giải ngân 200 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư Trung tâm chế biến nông sản thực phẩm công nghệ cao Lam Sơn tại Thiệu Hóa vốn đầu tư 205 tỷ, dự kiến giải ngân 70 tỷ đồng.

- Các dự án sản phẩm mới, chương trình đầu tư máy cơ giới, xây dựng Văn phòng Trung tâm thương mại, dự kiến giải ngân 70 tỷ đồng

- Dự án Nhà máy Tre ép khối, dự kiến giải ngân 60 tỷ đồng.

*

* *

Niên độ 2017/2018 đã đi qua gần 5 tháng, mục tiêu kỳ vọng lớn cùng với thời cơ và thách thức đan xen. Ban Tổng Giám đốc điều hành cam kết sẽ bám sát chủ trương định hướng của HĐQT, tập hợp sức mạnh, sự nhạy bén và sáng tạo của tập thể người lao động, quyết tâm đồng lòng nỗ lực phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu kế hoạch đạt mức cao nhất.

Trân trọng cảm ơn./.

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN ĐƯỢC GIAO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Tại Đại hội Đồng cổ đông thường niên 2017-2018)

Kính thưa: - Quý vị Cổ đông

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm tài chính từ 1/7/2016-30/6/2017, Hội đồng Quản trị (HĐQT) Báo cáo ĐHCĐ kết quả thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao năm tài chính 2016-2017; Đồng thời xác định hương hướng, nhiệm vụ năm 2017-2018.

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM TÀI CHÍNH 2016-2017

I. Kết quả thực hiện nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2016-2017

Ngay sau ĐHCĐ thường niên 2016-2017, HĐQT Công ty đã nghiêm túc triển khai Nghị quyết Đại hội, công bố thông tin và hoàn thiện Điều lệ sửa đổi đăng ký theo đúng quy định; thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2015-2016; Lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016-2017; Thực hiện đồng bộ, quyết liệt và sáng tạo các giải pháp để hoàn thành nhiệm vụ.

Về đánh giá kết quả SXKD của Công ty năm 2016-2017 HĐQT thống nhất với báo cáo của Ban điều hành trình Đại hội và nhấn mạnh: năm 2016-2017 Ban lãnh đạo Công ty cùng đội ngũ cán bộ quản lý và tập thể người lao động đã cố gắng nỗ lực, khắc phục khó khăn hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2016-2017, có tăng trưởng so với năm tài chính 2015-2016; Thực hiện đồng bộ các giải pháp mang tầm chiến lược: sản xuất chế biến chuyên sâu các sản phẩm từ mía đường, sản phẩm cạnh đường, sau đường, sản phẩm NNCNC theo hướng hữu cơ; Đầu tư thích đáng cho nguồn nhân lực; đào tạo và đào tạo lại và tổ chức lại lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu của công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ thông tin - cốt lõi của cuộc cách mạng 4.0; Quan hệ đối ngoại trong năm được quan tâm gắn kết lực lượng mới phát triển nâng cao vị thế của LASUCO trong nước và trên trường quốc tế.

Công tác an sinh, công tác xã hội từ thiện, khuyến học tiếp tục thực hiện tốt với nhiều hoạt động thiết thực. Các tổ chức đoàn thể chính trị được quan tâm với nhiều hoạt động văn hóa, thể thao gắn kết chặt chẽ liên minh Công - Nông - Trí vùng mía đường Lam Sơn để lại ấn tượng tốt đẹp.

Chủ tịch HĐQT Công ty được Tỉnh Thanh Hóa tặng Danh hiệu “*Vì sự phát triển Thanh Hóa*”- Danh hiệu lần đầu tiên Tỉnh vinh danh 11 cá nhân có nhiều đóng

góp cho sự phát triển của Thanh Hóa trong thời kỳ đổi mới. Đây là niềm vinh dự tự hào lớn lao cho tập thể CBCN LASUCO và nông dân vùng mía đường Lam Sơn.

Năm 2016, Công ty được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen, được UBND Tỉnh Thanh Hóa trao Cờ thi đua; các tổ chức chính trị xã hội là đơn vị vững mạnh của Tỉnh, của Khối; 5 CBCN được tặng Bằng “Lao động sáng tạo”, đưa số người được nhận Bằng LĐST lên 96 người và nhiều phần thưởng khác cho tập thể và cá nhân.

II. Hoạt động của HĐQT, chi phí hoạt động của HĐQT & BKS

1. Các phiên họp HĐQT, các quyết định của HĐQT

Ngay sau Đại hội, HĐQT họp bầu các chức danh Chủ tịch & các Phó Chủ tịch HĐQT (HĐQT có 5 thành viên, 100% các thành viên không tham gia Ban điều hành Công ty); phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT; Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Ban điều hành; Ban hành Chương trình công tác toàn nhiệm kỳ..

Trong năm, HĐQT đã họp 4 phiên định kỳ mỗi quý một lần và các phiên bất thường để triển khai NQĐHĐCĐ, NQ HĐQT. Tại các kỳ họp các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ. Nội dung chủ yếu các phiên họp định kỳ: đánh giá kết quả thực hiện NQ ĐHĐCĐ và NQHĐQT, đồng thời xác định nhiệm vụ của kỳ tới.

HĐQT đã ban hành 19 NQ. Trong đó, có 4 NQ kỳ họp định kỳ và các nghị quyết giữa hai kỳ họp liên quan đến:

Bầu các chức danh trong HĐQT; Bổ nhiệm Ban Tổng giám đốc điều hành; Bàn giao vốn và tài sản cho Công ty Công nghệ cao; Chốt danh sách cổ đông ĐHĐCĐ chi trả cổ tức 2015-2016; Chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên và ứng cổ tức đợt 1 năm 2016-2017; Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2016-2017; Lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016-2017; Thanh lý TSCĐ; Đầu tư máy móc thiết bị cơ giới vùng mía; Hạn mức tín dụng và bảo lãnh vay nợ ngân hàng; Thanh lý một số khoản đầu tư tài chính và cơ cấu lại vốn đầu tư; Thành lập Công ty TNHH 1 thành viên Thương mại và XNK Lam Sơn.

2. Kết quả giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

Ưu điểm: Trong quá trình tổ chức điều hành, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý đã bám sát NQ ĐHĐCĐ, NQ HĐQT và các chính sách, quy chế, quy định của Công ty đã có nhiều cố gắng và nỗ lực khắc phục khó khăn cùng với tập thể người lao động hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm tài chính 2016-2017, đồng thời tích cực thực hiện Dự án ”Làm mới lại cây mía và hạt đường Lam Sơn” và các dự án mới, sản xuất sản phẩm mới; Triển khai tốt công tác chăm sóc mía và trồng mới vụ 2017-2018, điểm sáng lan tỏa là các mô hình thâm canh công nghệ cao, cơ giới đồng bộ; Công tác thương mại, xây dựng và phát triển hệ thống bán lẻ có bước phát triển mới, ấn tượng.

Nhược điểm, hạn chế: Vùng nguyên liệu tuy bước đầu được tổ chức lại tập trung hơn, xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa Công ty & chính quyền các địa phương và người trồng mía được đổi mới thiết thực hơn, nhưng tình trạng nguyên liệu vẫn tụt giảm cả về diện tích, sản lượng; An ninh vùng mía còn bộc lộ hạn chế;

Sản xuất sản phẩm NNCNC chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng, tiến độ; việc triển khai các dự án đầu tư chậm so với tiến độ.

3. Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS

Tổng chi phí 4.241.530.506 đồng chiếm 0,2% doanh thu. Trong đó: tiền lương của HĐQT và BKS là 2.038.890.937 đồng; Khấu hao TSCĐ 720.820.090 đồng; Thù lao 844.000.000 đồng; Chi phí đi công tác 101.453.771 đồng, chi phí dịch vụ mua ngoài: 223.405.681 đồng; Chi phí khác 312.960.027 đồng.

So với định mức ĐHCĐ giao mức 0,4% doanh thu có VAT thì chi phí hoạt động của HĐQT và BKS ở mức 0,2% doanh thu.

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM TÀI CHÍNH 2017-2018

I. Mục tiêu, nhiệm vụ năm tài chính và các giải pháp trọng tâm

HĐQT thống nhất các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của năm tài chính 2017-2018 đã được Ban điều hành trình Đại hội. Đề nghị ĐHCĐ xem xét thông qua để chỉ đạo thực hiện. HĐQT lưu ý các giải pháp mang tính quyết định: kiên trì triển khai "Dự án làm mới lại cây mía và hạt đường Lam Sơn"; tập trung chế biến sâu, các sản phẩm từ mía đường, sau đường, sản phẩm NNCNC có chất lượng cao theo hướng hữu cơ, nhằm gia tăng chuỗi giá trị & hiệu quả SXKD mía đường, Nông nghiệp CNC "*Vì chất lượng cuộc sống, vì sức khỏe con người*"; Đầu tư nguồn lực xứng tầm cho mục tiêu, nhiệm vụ Thương mại và phát huy quan hệ hợp tác quốc tế, hội nhập sâu rộng, hướng tới thị trường xuất khẩu.

Tiếp tục liên kết hợp tác với các nhà khoa học trong và ngoài nước, đồng thời dành riêng kinh phí từ 0,5-1% tổng chi phí hàng năm cho công tác Nghiên cứu khoa học; Sản xuất thử nghiệm thêm các sản phẩm mới theo hướng hữu cơ & các sản phẩm đồ uống từ rau củ quả, gạo hữu cơ. Phấn đấu tạo ra một số sản phẩm chủ lực, độc đáo mang Thương hiệu Quốc gia.

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, quản trị doanh nghiệp, quan hệ Cổ đông:

- *Rà soát lại hệ thống quy chế, quy định*: bổ sung hoàn thiện theo Điều lệ & Quy chế quản trị Công ty mới sửa đổi và đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn mới;

- *Cơ cấu tổ chức Công ty*: trong thời gian tới HĐQT lựa chọn nhân sự đảm bảo tiêu chuẩn Thành viên HĐQT độc lập, đáp ứng yêu cầu của Công ty trình ĐHCĐ xem xét thông qua; Xem xét thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT. Khi có đủ điều kiện trình ĐHCĐ áp dụng mô hình quản trị không có Ban kiểm soát theo quy định tại Mục b, Khoản 1, Điều 134 Luật Doanh nghiệp.

- *Về Công tác quan hệ Cổ đông, Nhà đầu tư và công tác truyền thông*: HĐQT sẽ lựa chọn và hợp tác với nhà tư vấn uy tín hàng đầu, hình thành và xây dựng Cơ chế Quan hệ với Cổ đông & Nhà đầu tư và công tác truyền thông có hệ thống, chuyên nghiệp. Đảm bảo Cổ đông, Nhà đầu tư và Công ty thường xuyên trao đổi thông tin hai chiều; Có kế hoạch định kỳ gặp gỡ các Nhà đầu tư & Cổ đông giới thiệu các chương trình dự án, thu hút và huy động thêm vốn đầu tư từ phát hành thêm cổ phiếu và trái phiếu; Xây dựng cơ cấu cổ đông chiến lược phù hợp, đóng góp nhiều hơn nữa xây dựng Công ty phát triển bền vững.

II. Các phiên họp của Hội đồng quản trị năm 2017-2018

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty các phiên họp định kỳ của HĐQT giữa hai kỳ họp ĐHĐCĐ năm tài chính 2017-2018 sẽ bao gồm 4 kỳ họp định kỳ: Phiên họp Quý IV/2017, dự kiến từ 10-15/1/2018; Phiên họp Quý I.2018, dự kiến từ 10-15 tháng 4/2018; Phiên họp Quý II. 2018, dự kiến từ 10-15/7/2018; Phiên họp Quý III. 2018, dự kiến từ 7-10/10/2018.

Nội dung chính của các phiên họp định kỳ là đánh giá tình hình thực hiện NQĐHĐCĐ, NQHĐQT và xác định nhiệm vụ trọng tâm, các giải pháp cụ thể đảm bảo hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ kỳ tới. Khi cần thiết vì sự phát triển của Công ty HĐQT có thể họp các phiên bất thường.

Kính thưa Quý vị Cổ đông!

Năm 2017-2018, thời gian đã đi qua 5 tháng, khó khăn thử thách đã bộc lộ và đang còn diễn biến phức tạp, mục tiêu kỳ vọng lớn, nhưng HĐQT xác định có cơ sở vững chắc hiện thực. Để vượt qua khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ hôm nay giao, HĐQT- Ban điều hành lãnh đạo CBCN tranh thủ thuận lợi, khắc phục khó khăn thực hiện đồng bộ các giải pháp đã đề ra.

Kính mong các Cổ đông với trí tuệ và tinh thần xây dựng trách nhiệm cao hãy đóng góp những ý kiến quý báu cho sự thành công tại Đại hội, cũng như góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017-2018 đưa LASUCO phát triển bền vững.

Xin trân trọng cảm ơn./.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với HĐQT và Ban điều hành trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. HĐQT và Ban điều hành đã tạo điều kiện cung cấp thông tin, kế hoạch công việc để Ban kiểm soát tổ chức thực hiện giám sát có hiệu quả tuân thủ các quy định của Pháp luật, điều lệ công ty và các quy chế, quy định nội bộ.

- Đối với cổ đông: Đến thời điểm lập báo cáo, Ban kiểm soát không nhận bất cứ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với hoạt động của Công ty.

Về thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Được thực hiện theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên cho năm tài chính 2016/2017; được thanh toán đầy đủ theo các quy định, quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty và đã được chi tiết tại Báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát và những vấn đề quyết nghị:

Trong năm, BKS đã tổ chức 4 cuộc họp định kỳ trước mỗi kỳ họp HĐQT để đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết HĐQT quý trước, Nghị quyết ĐHĐCĐ; đánh giá hoạt động của BKS và xây dựng kế hoạch hoạt động của Quý tiếp theo. Ngoài ra, cũng tổ chức các cuộc họp thường xuyên trong quá trình kiểm tra, kiểm soát tại các đơn vị. Tất cả các thành viên đều tham gia đầy đủ.

2. Kết quả giám sát hoạt động của bộ máy điều hành và Kết quả SXKD:

2.1. Kết quả giám sát hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc:

Trong công tác quản lý và điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác đã thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật DN, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, họp đột xuất để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ cũng như thông qua nhiều nghị quyết, quyết định quan trọng; chỉ đạo toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, ban hành các chủ trương, giải pháp và đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Công ty.

- HĐQT đã tích cực chỉ đạo, sâu sát trong việc quản lý và giám sát toàn bộ hoạt động SXKD của Công ty, các thành viên HĐQT đã chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao nhất. Trong công tác quản trị doanh nghiệp HĐQT luôn giữ vững nguyên tắc công khai, minh bạch trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị tiên tiến.

- Ban kiểm soát đánh giá công tác quản lý, chỉ đạo của HĐQT đảm bảo đúng quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và hoàn thành nhiệm vụ Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2016/2017.

Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty năm tài chính 2016/2017 của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

2.2. Kết quả hoạt động SXKD (một số chỉ tiêu chính theo BCTC đã được kiểm toán)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tăng/Giảm	
				Giá trị	(%)
1	Doanh thu bán hàng	2.049.000	2.023.794	(25.206)	(1,23)
2	Lợi nhuận kế toán trước thuế	120.000	123.205	3.205	2,67
3	Chi phí thuế TNDN	18.000	19.832	1.832	10,18
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	102.000	103.372	1.372	1,35

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tăng/Giảm	
				Giá trị	(%)
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.247	1.477	230	18,44

2.3. Thực hiện các nội dung khác của Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016/2017

- Công ty đã thực hiện Phương án trả thù lao và quyết toán việc chi trả thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát năm 2016/2017 theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016/2017.
- Lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ, các công ty con và Báo cáo hợp nhất cho kỳ kiểm toán năm 2016/2017.

3. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính:

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định BCTC gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh BCTC cho năm tài chính từ 01/07/2016 - 30/06/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam; xem xét các hồ sơ kiểm kê tài sản, nguồn vốn tại thời điểm 30/06/2017. Sau khi xem xét, thẩm định Ban kiểm soát có nhận xét như sau:

- Công ty đã lập và trình bày BCTC trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan, tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán, lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán nhất quán, phù hợp với các đặc điểm hoạt động SXKD và yêu cầu quản lý của Công ty.
- Lập báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, năm phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động SXKD và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.
- Ban kiểm soát thống nhất với các nội dung của BCTC do Công ty lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Chúng tôi xác nhận các số liệu tài chính được đưa ra trong báo cáo của HĐQT và Ban điều hành trình ĐHĐCĐ là thể hiện trung thực, phản ánh đầy đủ tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017.

4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty tại thời điểm 30/06/2017 (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán).

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thời điểm ngày 30/06/2017	Thời điểm ngày 30/06/2016
I	Tài sản ngắn hạn	1.000 đ	906.512.804	932.435.161
-	Tiền, tương đương tiền	1.000 đ	50.996.174	21.642.694
-	Các khoản đầu tư tài chính NH	1.000 đ	69.000.000	-
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.000 đ	354.892.383	374.163.475
-	Hàng tồn kho	1.000 đ	430.789.870	535.870.922
II	Tài sản dài hạn	1.000 đ	1.503.927.465	1.588.106.014
-	Tài sản cố định	1.000 đ	1.165.281.886	1.370.010.392
-	XDCB dở dang	1.000 đ	27.591.395	57.909.347
-	Đầu tư tài chính dài hạn	1.000 đ	258.789.703	123.181.921
-	Tài sản dài hạn khác	1.000 đ	34.807.435	37.004.353

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thời điểm ngày 30/06/2017	Thời điểm ngày 30/06/2016
	Tổng tài sản	1.000 đ	2.410.440.269	2.520.541.176
III	Nợ phải trả	1.000 đ	793.426.597	920.003.773
-	Nợ ngắn hạn	1.000 đ	713.422.462	788.619.680
-	Nợ dài hạn	1.000 đ	80.004.134	131.384.093
IV	Vốn chủ sở hữu	1.000 đ	1.617.013.672	1.600.537.403
-	Vốn chủ sở hữu	1.000 đ	1.577.381.593	1.556.556.598
-	Nguồn KP và quỹ khác	1.000 đ	39.632.079	43.980.804
	Tổng cộng nguồn vốn		2.410.440.269	2.520.541.176
1	Tỷ lệ vốn CSH/Tổng nguồn vốn		67,08	63,50
2	Tỷ lệ nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		32,92	36,50
3	Hệ số khả năng thanh toán nhanh		0,17	0,03
4	Khả năng thanh toán ngắn hạn.		1,14	1,01
5	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH		0,06	0,06

Căn cứ BCTC đã được kiểm toán, BKS có một số đánh giá như sau:

- Tổng giá trị tài sản giảm 110 tỷ đồng tương đương giảm 4,36% so với đầu kỳ. Việc giảm giá trị tài sản không làm giảm quy mô hoạt động mà chủ yếu do giảm các khoản phải thu, hàng tồn kho và giá trị xây dựng cơ bản dở dang.
- Nguồn vốn kinh doanh cũng giảm tương ứng, chủ yếu là giảm các khoản nợ phải trả. Dòng tiền thực dương (theo báo cáo LCTT) cũng là tác nhân tích cực làm gia tăng vốn bằng tiền, làm giảm các khoản nợ phải trả và tiết giảm chi phí tài chính của Công ty.
- Cơ cấu vốn và nguồn vốn: không có nhiều biến động so với đầu năm. Nhìn chung là ổn định và phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên Công ty cần xem xét, đánh giá lại việc duy trì số dư các quỹ thuộc nguồn vốn Chủ sở hữu (Quỹ đầu tư phát triển và thặng dư vốn cổ phần): chiếm tỷ trọng tương đối lớn, với thời gian dài mà không đưa vào sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

- Hệ số thanh toán cho thấy đã có sự tăng trưởng tốt, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2017 là an toàn và lành mạnh.

II. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS luôn nhận được sự ủng hộ và giám sát chặt chẽ của Cổ đông; sự phối hợp công tác của HĐQT và BĐH theo đúng chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều lệ Công ty, pháp luật hiện hành để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông và Công ty.

Ban kiểm soát tôn trọng quyền và lợi ích của cổ đông, sẵn sàng hợp tác và đồng hành với cổ đông để làm rõ các vấn đề khi xét thấy cần thiết.

- Các Nghị quyết, Quyết định và các chủ trương của HĐQT, BĐH đã được cung cấp kịp thời cho Ban kiểm soát. Các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia của BKS. BĐH luôn tạo điều kiện thuận lợi để BKS tiếp cận thông tin và hoạt động của Công ty.

III. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. **Về công tác nguyên liệu:** tiếp tục có các chính sách đầu tư hợp lý, trọng tâm vào việc thâm canh tăng năng suất, chất lượng mía, lựa chọn các loại giống mía, phân bón phù hợp với khí hậu và thổ nhưỡng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng mía, tăng thu nhập cho người trồng mía và góp phần giảm giá thành sản phẩm, nâng cao tính cạnh tranh với thị trường trong nước và quốc tế.
2. **Về công tác sản xuất, chế biến:** tiếp tục đổi mới công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường về mẫu mã và chất lượng.
3. **Về quản lý và sử dụng vốn:** Quản lý chặt chẽ chi phí của hoạt động SXKD; thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm hạ giá thành sản phẩm; rà soát lại các khoản đầu tư tài chính và các dự án đầu tư đã và đang triển khai.
4. **Công tác tổ chức:** Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức; sắp xếp, tuyển dụng và đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề trong mọi lĩnh vực theo hướng chuyên nghiệp hóa nhằm nâng cao năng suất lao động, nâng cao thu nhập cho người lao động.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM TÀI CHÍNH 2017/2018

Năm 2017/2018, Ban kiểm soát tiếp tục duy trì công tác kiểm soát thường xuyên với mục tiêu là giám sát tình hình hoạt động SXKD, tình hình tài chính; giám sát hoạt động quản trị và điều hành; phối hợp hoạt động với HĐQT, Ban điều hành và Cổ đông. Trên cơ sở đó, BKS tập trung vào một số nội dung trọng yếu sau:

1. Tham gia xây dựng chính sách của Công ty và các văn bản lập quy của đơn vị.
2. Kiểm soát tuân thủ pháp luật, chủ trương, chính sách của Công ty nhằm đảm bảo các hoạt động này tuân thủ quy định và kịp thời nhận diện, phát hiện những rủi ro mang tính trọng yếu.
3. Kiểm tra định kỳ hàng quý và đột xuất hoạt động tại các phòng ban, đơn vị trực thuộc và các công ty thành viên nhằm đảm bảo quản lý tốt nguồn vốn và tài sản.
4. Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động SXKD cho mỗi kỳ kế toán của Công ty.
5. Thu nhận các thông tin, trao đổi và xử lý các vấn đề theo yêu cầu của Cổ đông.

Kính thưa Quý Cổ đông.

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông. Rất mong Quý cổ đông xem xét thông qua.

Kính chúc vị đại biểu dồi dào sức khỏe, Chúc Công ty ngày càng phát triển ổn định và bền vững; chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Đỗ Thị Thanh Hà

Lam Sơn, ngày 10 tháng 11 năm 2017

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2017-2018
V.v phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm tài chính 2016/2017
(Từ ngày 01/07/2016 - 30/06/2017)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Căn cứ Báo cáo quyết toán năm tài chính 2016/2017 (từ 01/07/2016 - 30/06/2017) của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2016/2017 như sau:

DVT: đồng

TT	CHỈ TIÊU	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế các năm trước chuyển sang	31.668.506.997
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2016/2017	103.372.598.429
-	Lợi nhuận trước thuế năm 2016/2017	123.205.312.136
-	Thuế TNDN phải nộp	19.832.713.707
-	Lợi nhuận sau thuế 2016/2017	103.372.598.429
3	Lợi nhuận phân phối	90.674.519.686
3.1	Trích lập các quỹ (theo quy định)	20,674,519,686
-	Trích lập quỹ đầu tư phát triển (10%)	10.337.259.843
-	Trích lập quỹ khen thưởng (5%)	5.168.629.921
-	Trích lập quỹ phúc lợi (5%)	5,168,629,921
3.2	Phân phối cổ tức 10%	70.000.000.000
-	Tạm ứng bằng tiền mặt: 8%VCP (800 đ/CP) ngày 21/09/2017	56.000.000.000
-	Thanh toán cổ tức còn lại	14.000.000.000
6	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	44.366.585.740

Lợi nhuận còn lại chưa phân phối sau khi quyết toán với cơ quan quản lý thuế được phân phối vào kỳ sau.

Trân trọng kính trình Đại hội Đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lam Sơn, ngày 10 tháng 11 năm 2017

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2017-2018
V/v: Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017-2018

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
- Căn cứ Mục tiêu, định hướng phát triển của Công ty giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn đến năm 2025.
- Căn cứ tình hình thực tế tình hình thị trường, các điều kiện của Công ty HĐQT kính trình Đại hội Đồng Cổ đông thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2017-2018 (từ 1/7/2017-30/6/2018):

ĐVT: 1000 đồng

TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NIÊN ĐỘ 2016/2017	KẾ HOẠCH NIÊN ĐỘ 2017/2018	SỐ SÁNH (%)
1	Tổng doanh thu (có VAT)	2.127.129.241	2.500.000.000	117,5
2	Doanh thu thuần	2.023.794.340	2.380.000.000	117,6
3	Lợi nhuận trước thuế	123.205.312	125.000.000	101,6
4	Cổ tức (%)	10	12	120,0
5	Nộp ngân sách	82.200.000	85.000.000	103,4

Kính trình Đại hội Đồng Cổ đông xem xét thông qua!

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lam Sơn, ngày 10 tháng 11 năm 2017

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2017-2018
Kế hoạch chi phí hoạt động, thù lao của HĐQT, BKS

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, được Quốc hội Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn.

Kính trình Đại hội Đồng cổ đông thống nhất chấp thuận kinh phí hoạt động và mức thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát cho năm tài chính 2017/2018 như sau:

1. Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS:

Được tính bằng 0,4% doanh thu (Có VAT). Trong đó: Mức thù lao của HĐQT và BKS:

- ***Hội đồng quản trị:***

- Chủ tịch: 15 triệu đồng/tháng
- Phó chủ tịch: 10 triệu đồng/tháng
- Ủy viên: 8 triệu đồng/tháng

- ***Ban kiểm soát***

- Trưởng ban: 10 triệu đồng/tháng
- Ủy viên: 5 triệu đồng/tháng

Thù lao của HĐQT, BKS được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh theo quy định.

2. Thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận Đại hội đồng cổ đông giao cho năm tài chính 2017-2018

Thưởng cho HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Cán bộ công nhân viên Công ty 20% lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch do Đại hội cổ đông giao

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lam Sơn, ngày 10 tháng 11 năm 2017

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017-2018
V/v lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2017-2018
(từ ngày 01/07/2017 - 30/06/2018)

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014
- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Căn cứ danh sách các Công ty kiểm toán được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2017.

Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm tài chính 2017/2018 như sau:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là một trong 04 Công ty kiểm toán lớn. Qua 3 năm thực hiện tại Lasuco, với đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm kiểm toán, ngoài vai trò là đơn vị kiểm toán còn đóng vai trò tư vấn cho Lasuco về các vấn đề về thuế, mô hình hoạt động cũng như cách thức kiểm soát các công ty con. So với các Công ty kiểm toán khác trong ngành, mức phí kiểm toán mà Công ty Ernst & Young đưa ra hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ mà Lasuco yêu cầu.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017/2018 của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lam Sơn, ngày 10 tháng 11 năm 2017

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2017-2018
Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 Hướng dẫn về quản trị Công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện NĐ 71/2017/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn thông qua ngày 19/10/2016 và tình hình thực tế của Công ty;

HĐQT kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

Điều lệ hiện hành (ĐLHH) của Công ty được ĐHĐCĐ thông qua ngày 19/10/2016 đã điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn Luật Doanh nghiệp cho đến thời điểm thông qua. Tuy nhiên, đến ngày 6/6/2017 Chính phủ mới ban hành Nghị định số 71/2017/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1/8/2017 Hướng dẫn quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và ngày 22/9/2017 Bộ Tài chính ban hành Thông tư 95/2017/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 6/11/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định 71.

Điều lệ dự thảo (ĐLDT) được Hội đồng Quản trị (HĐQT) trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) lần này cơ bản được xây dựng theo Điều lệ mẫu (ĐLM) do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC. Đồng thời kế thừa một số quy định tại Điều lệ hiện hành (ĐLHH) của Công ty phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014, phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

I. Về cấu trúc chương, điều

Điều lệ dự thảo (ĐLDT) và ĐLHH đều có 21 chương. Tuy nhiên, một số tên chương có nội dung thay đổi phù hợp với nội dung và chỉnh sửa từ, cụm từ chính xác hơn.

Người đại diện theo pháp luật được chuyển từ Chương I (ĐLHH) sang Chương II ĐLDT; Thư ký Công ty (ĐLHH) Chương VIII, nhưng Người Quản trị doanh nghiệp (ĐLDT) lại quy định ở Chương VII.

ĐLDT có 57 điều tăng hơn 5 điều so với ĐLHH (52 điều), cụ thể:

ĐLDT bổ sung một số điều (tăng 6 điều, trong đó có một điều thay thế) chủ yếu tách từ các điều của ĐLHH ra: (1) Điều 3. Người đại diện pháp luật của Công ty, tách từ Khoản 4, Điều 2 của ĐLHH; (2) Điều 25 quy định về ứng cử đề cử thành viên HĐQT, được tách ra từ Điều 24 của ĐLHH – “Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT”; (3) Điều 28 “Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT” của ĐLDT, tách ra từ khoản 7-10 ĐLHH; (4) Điều 31. “Các tiểu ban thuộc HĐQT” của ĐLDT tách ra từ khoản 15,16 ĐLHH và có sửa đổi câu từ chặt chẽ hơn, nhấn mạnh hơn về các tiểu ban HĐQT; (5) Điều 32 “Người phụ trách quản trị Công ty” ĐLDT là một điều mới, thay thế cho Điều 31 Quy định về “Thư ký Công ty” của ĐLHH; (6) Điều 31. “Ứng cử đề cử Kiểm soát viên” tại ĐLDT cũng được tách ra từ Khoản 2 và Khoản 3, Điều 32 ĐLHH.

Như vậy, việc tách gộp và thay thế các điều khoản đã làm ĐLDT tăng thêm 5 điều so với ĐLHH.

II. Về các khái niệm trong ĐLDT cũng có sự thay đổi và điều chỉnh

- Khái niệm “Vốn điều lệ” (Điều 1, Khoản 1, mục a) thay đổi theo Điều 24, Luật DN và ĐLM ;
- Khái niệm “Luật chứng khoán”(Đ1, K1, Mc) và “cổ đông lớn” (Đ1, K1, Mg) theo Luật Chứng khoán;
- Cụm từ “Người Điều hành doanh nghiệp” (Đ1, K1, Mc- ĐLDT) được thay thế cho “Cán bộ quản lý” tại ĐLHH;
- Cụm từ “Kiểm soát viên” thay cho “Thành viên Ban kiểm soát”
- Khái niệm mới về “Người phụ trách quản trị Công ty” quy định tại Điều 32, ĐLDT.
- Một số từ và cụm từ được thay thế trong ĐLM, ĐLDT đã rõ ràng hơn, chính xác hơn, câu ngắn gọn hơn so với ĐLHH: “ngành nghề kinh doanh” thay cho “Lĩnh vực kinh doanh”; “Người điều hành khác” thay cho “cán bộ quản lý cấp cao”;

Vì vậy trong toàn bộ Điều lệ, các cụm từ trên đã được thay thế trong ĐLDT một cách thống nhất.

III. Một số điểm ĐLDT kế thừa ĐLHH và chi tiết hơn hoặc khác so với quy định trong ĐLM, phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp:

- **Điều 2, khoản 3 ĐLDT:** một số thông tin về Công ty như điện thoại, hộp thư điện tử đã thay đổi được sửa tại.
- **Điều 3, Khoản 2, ĐLDT** quy định quyền hạn và người đại diện theo pháp luật được bổ sung theo ĐLM và Điều 14 Luật Doanh nghiệp.
- **Điều 4, Điều 5** về Mục tiêu hoạt động của Công ty và Phạm vi kinh doanh và hoạt động kế thừa ĐLHH.
- **Điều 27, Khoản 3, Mục f của ĐLDT** đang kế thừa (Mục f, Khoản 4, Điều 25 ĐLHH), về mức ngân sách vượt quá 100 triệu đồng hoặc vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm phải do HĐQT quyết định.
- **Điều 27, Khoản 6** của ĐLDT là kế thừa Điều 25, Khoản 6 ĐLHH. Đó là “*Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị không được ủy quyền cho người không phải là thành viên Hội đồng quản trị dự họp Hội đồng quản trị.*”

- **Khoản 1, Điều 32, ĐLDT** có bổ sung thêm so với ĐLM là “*Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty hoặc có thể phụ trách thư ký Công ty*” (Thư ký Công ty được quy định tại Khoản 5, Điều 152 Luật Doanh nghiệp, nhưng trong ĐLM không quy định).
- **Khoản 2, Điều 44 ĐLDT** kế thừa Khoản 2 Điều 39 ĐLHH (Khoản này ĐLM không quy định cụ thể): “*Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty*”. (Phù hợp với Mục o, Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp).
- **Khoản 6, Điều 44 ĐLDT** bổ sung thêm “*cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông. Mức cổ tức, thời hạn và hình thức trả phải được công bố chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần chi trả*”. Kế thừa ĐLHH và phù hợp với Khoản 4, Điều 132 Luật DN.

IV. Kính trình ĐHĐCĐ:

- Thông qua toàn văn Bản dự thảo Điều lệ Công ty. Toàn văn Dự thảo Điều lệ Công ty được đăng tải trên Website của Công ty tại www.lasuco.vn cùng với Tài liệu ĐHĐCĐ Thường niên 2017-2018.
- Ủy quyền cho HĐQT hoàn thiện Bản điều lệ chính thức đăng ký và nộp cho các cơ quan quản lý theo Điều 57 Điều lệ Công ty và công bố thông tin theo quy định.
- Trân trọng kính trình Đại hội Đồng cổ đông chấp thuận thông qua!

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

TRÌNH ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2017-2018 NGÀY 25/11/2017

Lam Sơn, ngày tháng 11 năm 2017

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I:	4
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
CHƯƠNG II:	4
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
CHƯƠNG III:	5
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	6
CHƯƠNG IV:	6
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	6
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	6
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	7
Điều 10. Thu hồi cổ phần	7
CHƯƠNG V:	8
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	8
CHƯƠNG VI:	8
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 12. Quyền của cổ đông	8
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	9
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	12
Điều 17. Thay đổi các quyền	13

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
CHƯƠNG VII:.....	20
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.....	21
Điều 27: Quyền hạn và nghĩa vụ Hội đồng quản trị.....	21
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	23
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	24
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	26
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	27
CHƯƠNG VIII:	27
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	27
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	27
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp.....	28
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành	28
CHƯƠNG IX:	29
BAN KIỂM SOÁT.....	29
Điều 36: Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	29
Điều 37. Kiểm soát viên	29
Điều 38. Ban kiểm soát	30
CHƯƠNG X:.....	31
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	31
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng	31
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	31
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	32
CHƯƠNG XI:	33

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	33
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	33
CHƯƠNG XII:.....	33
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	33
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn.....	33
CHƯƠNG XIII:	34
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	34
Điều 44. Phân phối lợi nhuận	34
CHƯƠNG XIV:	34
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH	34
VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	34
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	34
Điều 46. Năm tài chính.....	35
Điều 47. Chế độ kế toán	35
CHƯƠNG XV:.....	35
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	35
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	35
Điều 49. Báo cáo thường niên	36
Điều 50. Kiểm toán.....	36
Điều 51. Con dấu	36
CHƯƠNG XVI:	36
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	36
Điều 52. Chấm dứt hoạt động.....	36
Điều 53. Gia hạn hoạt động	37
Điều 54. Thanh lý	37
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	37
CHƯƠNG XVII:.....	38
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	38
Điều 56. Điều lệ công ty.....	38
CHƯƠNG XVIII	38
NGÀY HIỆU LỰC	38
Điều 57. Ngày hiệu lực.....	38

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn thông qua vào ngày 25 tháng 11 năm 2017.

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và được quy định tại Điều 6.
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được thành lập theo Quyết định số 1133/1999/QĐ- TTg ngày 06/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ.
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.
 - g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán.
 - h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - i. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn

- Tên tiếng Anh: Lam Son sugar cane Joint Stock Corporation
- Tên giao dịch: Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
- Tên viết tắt: LASUCO

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- o Địa chỉ trụ sở chính: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá
- o Điện thoại: 02378.996.667
- o Fax: 02373.834.092
- o E-mail: info@lasuco.com.vn
- o Website: www.lasuco.vn/ www.lasuco.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Chủ tịch HĐQT là đại diện theo pháp luật của Công ty
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 14, Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- Công nghiệp đường, cồn, điện, nước uống có cồn và không có cồn. Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc. Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu. Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm. Chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn, ăn uống. Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê. Sản xuất kinh doanh CO2 (khí, lỏng, rắn). Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị. Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.

- Kinh doanh các ngành nghề không bị pháp luật nghiêm cấm

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Phát triển sản xuất và kinh doanh sản phẩm mía đường, cồn, điện và các lĩnh

vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; đảm bảo lợi ích của cổ đông; phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh trở thành tập đoàn kinh tế Công, Nông nghiệp, Du lịch, Thương mại, Dịch vụ và Bất động sản.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 700.000.000.000 VND (Bằng chữ: Bảy trăm tỷ đồng Việt Nam).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ không quá lãi suất ngân hàng cùng kỳ hạn vào thời điểm thu hồi

theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các

cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/ số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích

của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo,

cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- l. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty hoặc chi nhánh được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại ;

n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

q. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2, Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân/ hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30)

phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông

qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm

soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty trở lên tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất (15) mười lăm ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc

người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên Website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của

Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 45 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (5) người và nhiều nhất là mười một người (11). Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên HĐQT: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27: Quyền hạn và nghĩa vụ Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

- f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng Việt Nam) hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

6. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị không được ủy quyền cho người không phải là thành viên Hội đồng quản trị dự họp Hội đồng quản trị.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc theo cơ chế thường trực, hoặc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị .

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ

này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối

này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của các thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ 2 được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b, Khoản 11, Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên

Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị

phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty hoặc có thể phụ trách Thư ký công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Tổng giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các

chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc điều hành có những quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, khi đã được người đại diện pháp luật ủy quyền bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Trước ngày 30 tháng 5 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội

đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.

CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT

Điều 36: Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
 - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên

Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên

Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn trọng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn trọng vì lợi ích và không mâu thuẫn

với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.

CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6 Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông. Mức cổ tức, thời hạn và hình thức trả phải được công bố chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần chi trả.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng bảy (07) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi (30) của tháng sáu (06) năm sau. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 30/6/2016.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được chọn một ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính năm đã được ĐHCĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản

báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của công ty.

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVI: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo

quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới

Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XVII: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XVIII NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 18 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn nhất trí thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở chính Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh Thanh Hóa.

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lam Sơn, ngày 10 tháng 11 năm 2017

DƯ THẢO

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2017-2018
Về việc ban hành Quy chế quản trị Công ty**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 Hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện NĐ 71/2017/NĐ-CP;

Quy chế quản trị nội bộ hiện hành của Công ty CP mía đường Lam Sơn được Hội đồng quản trị thông qua việc ban hành theo Quyết định số 328 QĐ/ĐLS - HĐQT ngày 15/07/2016.

Điều 7, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 01/08/2017 quy định:

“Quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.”

HĐQT đã căn cứ Nghị định trên và thông tư hướng dẫn số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng để rà soát, bổ sung và sửa đổi Quy chế quản trị cho phù hợp với quy định hiện hành.

Trân trọng kính trình Đại hội Đồng cổ đông chấp thuận thông qua Quy chế quản trị Công ty!

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

*(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số NQ/ĐLS - ĐHĐCĐ
ngày 25 tháng 11 năm 2017)*

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế quản trị của Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn (“Công ty”) được xây dựng tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và vận dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị công ty phù hợp với điều kiện của Việt Nam, là văn bản hướng dẫn thực hiện công tác quản trị của công ty một cách công khai, minh bạch và hiệu quả để công ty đạt được các mục tiêu chiến lược phát triển bền vững và bảo vệ lợi ích của các cổ đông hoạt động hiệu quả hoạt động.

2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị, kiểm soát Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp và mối quan hệ giữa thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và cán bộ quản lý Công ty. Đồng thời, quy định trình tự, thủ tục ban hành các quyết định trong Công ty nhằm giảm thiểu rủi ro và những thiệt hại không cần thiết cho Công ty. Thông qua quy chế này Công ty được điều hành hiệu quả và việc kiểm soát, quản trị nội bộ Công ty được công khai và minh bạch.

3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được điều chỉnh bởi những quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Quản Trị Công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì lợi ích của cổ đông và các bên có liên quan đến Công ty.

b. “Điều lệ” là Điều lệ Công ty, bao gồm mọi sửa đổi được phê chuẩn hợp lệ tại từng thời điểm.

c. “Đại hội Đồng cổ đông” hoặc “ĐHĐCĐ” gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan cao nhất của Công ty.

d. “Hội đồng Quản Trị hoặc HĐQT” là cơ quan quản lý Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và chịu trách nhiệm quản lý Công ty vì các quyền lợi hợp pháp của cổ đông.

e. “Ban Kiểm soát hoặc BKS” là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát HĐQT

và cán bộ quản lý trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và thực hiện các nhiệm vụ được giao.

g. “Người điều hành doanh nghiệp” Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế Toán Trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được HĐQT bổ nhiệm.

h. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

i. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong điều 6 khoản 34 của Luật Chứng khoán và Điều 4 khoản 17 của Luật Doanh Nghiệp.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị Công ty

Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:

1. Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật.
2. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả.
3. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS
4. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan.
5. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông
6. Đảm bảo công khai, minh bạch trong hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ, Luật Doanh Nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành, đặc biệt là:

1. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông

2. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 5. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn

1. HĐQT xây dựng một cơ chế liên lạc thường xuyên với các Cổ đông lớn.
2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các Cổ đông khác.
3. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường

1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ.

2. Trình tự, thủ tục triệu tập, biểu quyết tại ĐHĐCĐ gồm các nội dung chính:

2.1. Thông báo chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ:

2.2. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ: được gửi đến từng cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ đúng theo danh sách cổ đông nhận được từ TTLK chứng khoán: phải thể hiện rõ địa điểm, giờ bắt đầu, các nội dung chương trình tổ chức ĐHĐCĐ và các thông tin khác

- Công bố trên Website của Sở giao dịch và website của Công ty

2.3. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ;

2.4. Cách thức bỏ phiếu;

2.5. Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;

2.6. Thông báo kết quả kiểm phiếu;

2.7. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ;

2.8. Ghi biên bản ĐHĐCĐ;

2.9. Lập biên bản ĐHĐCĐ;

2.10. Thông báo nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng;

2.11. Các vấn đề khác.

3. HĐQT sắp xếp chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ một cách hợp lý, bố trí thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình.

4. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người ủy quyền vào các cuộc họp ĐHĐCĐ. Cổ đông có thể ủy quyền cho HĐQT hoặc các tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ. Trường hợp tổ chức lưu ký được cổ đông ủy quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được ủy quyền biểu quyết. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.

5. Kiểm toán viên hoặc đại diện Công ty kiểm toán có thể được mời dự họp ĐHĐCĐ để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề kiểm toán.

6. Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp ĐHĐCĐ, Công ty phải có

gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp ĐHĐCĐ một cách tốt nhất.

7. Hàng năm Công ty phải tổ chức họp ĐHĐCĐ. Việc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

8. Các nguyên tắc, quy trình, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được quy định tại Điều lệ.

Điều 7. Chương trình họp ĐHĐCĐ

Chương trình họp ĐHĐCĐ bao gồm những nội dung sau:

1. Thủ tục đăng ký và thẩm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ;
2. Khai mạc ĐHĐCĐ: thông qua Danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký, Ban Giám sát Đại hội và kiểm phiếu;
3. Báo cáo hoạt động của HĐQT;
4. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
5. Báo cáo hoạt động của BKS;
6. Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức trong năm tài chính;
7. Báo cáo thù lao của HĐQT và BKS trong năm tài chính;
8. Các vấn đề khác cần được thông qua tại ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp;
9. Bế mạc ĐHĐCĐ.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ phải tối thiểu có các nội dung:

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
2. Hoạt động của HĐQT;
3. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
4. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;
5. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
6. Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.
7. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và của từng thành viên HĐQT.

Điều 9. Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ

Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ phải tối thiểu có các nội dung:

1. Các hoạt động của BKS;
2. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các quyết định của BKS;
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
4. Kết quả giám sát đối với HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc; và người điều hành khác;

5. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông;

6. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng kiểm soát viên.

7. Các vấn đề cần cổ đông lưu ý, cho ý kiến hoặc các khuyến nghị để nâng cao hiệu quả hoạt động và quyền lợi của cổ đông.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và chi tiết tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

2. Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT theo phương thức dồn phiếu.

Điều 11. Tư cách thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT là những người mà pháp luật và Điều lệ không cấm làm thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Tiêu chuẩn, điều kiện và tư cách thành viên HĐQT được quy định tại Điều lệ.

2. Để đảm bảo có sự tách biệt giữa vai trò giám sát và điều hành Công ty, Công ty hạn chế thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức vụ trong Ban điều hành của Công ty.

3. Thành viên HĐQT của Công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT của nhiều hơn năm (05) Công ty khác.

4. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn tại ĐHĐCĐ thường niên.

Điều 12. Thành phần HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người.

2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ. Trong trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị mới tại cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền và trách nhiệm của các thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công ty.

2. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý

kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

3. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty.

4. Các thành viên HĐQT và những người có liên quan của họ khi thực hiện mua hay bán cổ phần của Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật.

5. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên HĐQT sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của các thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT

1. HĐQT chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty.

2. HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.

3. HĐQT xây dựng các quy định và trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT và trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT gồm các nội dung chủ yếu sau:

3.1. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT.

a. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT;

b. Cách thức đề cử và ứng cử người vào vị trí thành viên HĐQT của các nhóm cổ đông có đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ;

c. Cách thức bầu thành viên HĐQT;

d. Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên HĐQT;

e. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT;

3.2. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT:

a. Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan, và các phiếu bầu cho thành viên HĐQT không thể dự họp);

b. Điều kiện hiệu lực của cuộc họp HĐQT;

c. Cách thức biểu quyết;

d. Cách thức thông qua biểu quyết của HĐQT;

e. Ghi biên bản họp HĐQT;

g. Thông qua biên bản họp HĐQT;

h. Thông báo quyết định HĐQT.

4. HĐQT phê duyệt các quy định, trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm,

miễn nhiệm Cán bộ quản lý cấp cao và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban Tổng Giám đốc và BKS, gồm các nội dung chính sau đây:

4.1. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao:

- Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý cấp cao;
- Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
- Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý cấp cao;
- Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
- Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.

4.2. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc:

- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc;

- Thông báo, Quyết định của HĐQT gửi Ban Tổng Giám đốc và BKS;

- Các trường hợp Tổng Giám đốc và đa số kiểm soát viên đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT;

- Các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

- Kiểm điểm việc thực hiện quyết định và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc;

- Các vấn đề Ban Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo với HĐQT, BKS;

- Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và các thành viên Ban Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể.

5. HĐQT có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý.

6. HĐQT có trách nhiệm lập và báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

7. HĐQT chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược của công ty và xác định các ưu tiên trong hoạt động kinh doanh của công ty cũng như định hướng và kiểm soát công tác quản lý, đưa ra các quyết định về những vấn đề không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có thẩm quyền đưa ra các quyết định trong những lĩnh vực sau:

7.1. Giám sát và kiểm soát chiến lược bao gồm:

- Quyết định về chiến lược và kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh thường niên của công ty;

- Quyết định về kế hoạch và dự án đầu tư trong thẩm quyền;

- Quyết định về giải pháp mở rộng thị trường và công nghệ;

- Phê duyệt các hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, sa thải, ký kết và chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty;
- Bổ nhiệm đại diện có thẩm quyền để thực hiện quyền sở hữu của Công ty tại các công ty khác, đưa ra quyết định về mức lương thưởng và những lợi ích khác dành cho các cá nhân đó;
- Giám sát và chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý cấp cao khác;
- Quyết định thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
- Quyết định về việc thành lập công ty con;
- Quyết định về cơ cấu tổ chức của công ty;
- Đề nghị tái cơ cấu hoặc giải thể công ty;
- Thành lập các ủy ban trực thuộc HĐQT;
- Bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm thư ký Công ty;
- Thông qua các tài liệu về quản trị nội bộ.

7.2. Tuyển chọn và giám sát Tổng Giám đốc, Ban Tổng Giám đốc.

7.3. Kiểm soát, công bố thông tin và đảm bảo tính minh bạch, có thể bao gồm các hoạt động sau:

- Nộp báo cáo tài chính thường niên lên ĐHCĐ;
- Thông qua các báo cáo gửi lên ĐHCĐ;
- Thông qua báo cáo về những sự kiện quan trọng liên quan đến Công ty;
- Xây dựng cơ chế kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.

7.4. Quyết định về vốn điều lệ và tài sản của công ty, có thể bao gồm các vấn đề sau:

- Đề xuất các loại cổ phần và tổng số lượng cổ phần mỗi loại sẽ được chào bán;
- Quyết định về việc mua lại cổ phần với số lượng không vượt quá 10% số cổ phần đã được bán ra trong thời hạn 12 tháng; Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
- Phê duyệt các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng Việt Nam) hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- Quyết định việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- Quyết định việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

8. HĐQT có thể thực hiện phân quyền, ủy quyền các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT cho TGD thông qua các nghị quyết của HĐQT phù hợp với yêu cầu quản lý điều hành hiệu quả của Công ty trong từng giai đoạn phát triển.

Điều 15. Họp HĐQT

1. Chủ tịch có thể triệu tập họp HĐQT bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

2. Việc tổ chức họp HĐQT theo đúng trình tự chuẩn bị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều 30 Điều lệ Công ty.

3. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng. Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 16. Thường trực HĐQT

1. Số lượng thành viên Thường trực HĐQT do HĐQT quyết định.

2. Thường trực HĐQT có thể được HĐQT ủy quyền để thực hiện một số quyền và nhiệm vụ của HĐQT.

3. Các quyết định của thường trực HĐQT được thông qua theo nguyên tắc nhất trí.

Điều 17. Các tiểu ban thuộc HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT theo quyết định của HĐQT.

2. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

3. Trường hợp Công ty không thành lập các tiểu ban thì HĐQT cử người phụ trách riêng từng vấn đề theo yêu cầu thực tế.

4. HĐQT thành lập Văn phòng HĐQT để giúp việc cho HĐQT xử lý các công việc thường xuyên. HĐQT xây dựng chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng HĐQT đảm bảo hoạt động hiệu quả.

Văn phòng HĐQT gồm các chức năng chủ yếu sau:

- a. Pháp chế; thường trực hệ thống quản lý chất lượng toàn Công ty;
- b. Quan hệ công chúng;
- c. Tham mưu, giúp việc cho HĐQT theo lĩnh vực được phân công: Biên phiên dịch; Thư ký Công ty; Trợ lý Chủ tịch HĐQT...

Điều 18. Người phụ trách quản trị Công ty

HĐQT bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách hiệu quả. Tiêu chuẩn, quyền và nghĩa vụ Người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 19. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên được quy định tại Khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty và Điều 164 Luật doanh nghiệp;
3. Kiểm soát viên Công ty phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;
4. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có thể tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến kiểm soát viên cùng thời điểm và phương thức như đối với thành viên HĐQT.
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
3. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.
4. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp; có trách nhiệm bảo mật thông tin trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. BKS chịu trách nhiệm trước Cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. BKS có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, hoạt động của thành viên Ban Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Cổ đông, và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông. Cụ thể như sau:
 - 1.1. Giám sát HĐQT và Ban TGD trong các công việc quản lý và điều hành hoạt động của Công ty;
 - 1.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, lập báo cáo tài chính;
 - 1.3. Thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng và hàng năm;

- 1.4. Thực hiện thanh tra các vấn đề theo yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông;
 - 1.5. Kiến nghị cho HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - 1.6. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo bằng văn bản với HĐQT;
2. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 3. BKS có quyền lựa chọn và đề nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
 4. Trong quá trình hoạt động BKS có quyền sử dụng hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ trong Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.
 5. BKS chịu trách nhiệm báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 22. Tổ chức hoạt động kiểm soát

1. Hoạt động của BKS phải đảm bảo khách quan, trung thực, chấp hành đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
2. BKS có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm phù hợp với thực tế của Công ty bao gồm các nội dung:
 - 2.1. Giám sát sự tuân thủ các nội quy, quy chế đã ban hành;
 - 2.2. Kế hoạch giám sát chứng từ, ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính;
 - 2.3. Giám sát việc thực hiện các quy định về kế toán quản trị;
 - 2.4. Kiểm soát đánh giá tính hợp pháp, hợp lý, tính khả thi của các hợp đồng kinh tế, dân sự ký giữa Công ty với khách hàng;
 - 2.5. Kiểm tra định kỳ, hoặc đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao của các phòng ban, đơn vị và Công ty thành viên;
 - 2.6. Giám sát, kiểm tra việc triển khai các chương trình, mục tiêu, dự án;
3. BKS thực hiện nhiệm vụ của mình thông qua việc tổ chức kiểm soát:
 - 3.1. Kiểm soát trước: là tích cực tham gia với HĐQT, Tổng Giám đốc để ban hành các nghị quyết, quyết định, quy chế cho phù hợp quy định của pháp luật và mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.
 - 3.2. Kiểm soát trong: là theo dõi, giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc thực hiện Điều lệ, các quyết định, Nghị quyết, quy chế của Công ty và việc áp dụng chế độ pháp luật Nhà nước trong hoạt động Công ty. Thông qua kiểm tra, giám sát phát hiện những nội dung không phù hợp, trao đổi với HĐQT, Tổng Giám đốc và đề ra biện pháp khắc phục.

3.3. Kiểm soát sau là kiểm soát các công việc đã phát sinh gồm: Kiểm tra sổ sách kế toán tài chính định kỳ hoặc đột xuất; Kiểm tra các vụ việc theo đơn, thư tố giác (nếu có) hay đề nghị của các cổ đông, người lao động hoặc khách hàng liên quan đến hoạt động của HĐQT, Ban điều hành Công ty.

4. Nguyên tắc hoạt động của BKS và trình tự thủ tục kiểm tra

4.1. BKS và các kiểm soát viên hoạt động theo nguyên tắc độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Đồng thời phải phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban điều hành và các đơn vị cá nhân khác trong Công ty cũng như nội bộ của BKS. Những vấn đề quyết định mang tính tập thể của BKS thì phải được quyết định bởi số phiếu đồng thuận quá bán. Trường hợp số phiếu trái chiều ngang nhau thì phiếu của Chủ tọa cuộc họp mang tính quyết định.

4.2. Các hình thức kiểm tra, kiểm soát: BKS có thể kiểm soát từ xa (thông qua các dữ liệu, thông tin thu thập gián tiếp hoặc qua mạng máy tính) hoặc kiểm soát tại chỗ (theo hình thức thường xuyên, định kỳ, đột xuất).

Điều 23. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

CHƯƠNG V

BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 24. Tổ chức Ban điều hành

1. Công ty có một Ban điều hành gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc được HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 5 năm và có thể được tái bổ nhiệm. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty.

Điều 25. Tiêu chuẩn lựa chọn các thành viên Ban điều hành và cán bộ quản lý của Công ty

1. Tiêu chuẩn là ứng cử viên Tổng Giám đốc: Ngoài các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ, Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau:

1.1. Có trình độ đại học trở lên;

1.2. Không đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của bất kỳ tổ chức, doanh nghiệp nào hoặc các chức danh quản lý của Công ty khác;

2. Tiêu chuẩn là ứng cử viên Phó Tổng Giám đốc:

2.1. Có trình độ đại học trở lên;

2.2. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp;

2.3. Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện tốt các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng:

3.1. Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán theo quy định tại Luật Kế toán;

3.2. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ quyền lợi, chính sách, chế độ quản lý tài chính và kinh tế theo quy định của pháp luật và của Công ty;

3.3. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán từ trình độ đại học trở lên, có thời gian công tác thực tế trong nghề kế toán ít nhất 05 năm và có chứng chỉ kế toán trưởng theo đúng quy định của pháp luật về kế toán;

3.4. Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm.

4. Tiêu chuẩn bổ nhiệm cán bộ quản lý khác tại Công ty:

4.1. Có phẩm chất đạo đức, có ý thức chấp hành quy định Công ty;

4.2. Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện tốt các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.

Điều 26. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý

1. HĐQT Công ty là cơ quan trực tiếp bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc chấp thuận từ chức của Cán bộ quản lý.

2. Thành viên HĐQT có quyền đề xuất, nhận xét, đánh giá đối với người được đề xuất vào chức vụ Tổng Giám đốc và biểu quyết thông qua quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc.

3. Tổng Giám đốc có quyền đề xuất và giới thiệu cho HĐQT để HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm các cán bộ quản lý khác tại Công ty.

4. Sau khi tập hợp đủ danh sách các ứng viên để bổ nhiệm vào vị trí Cán bộ quản lý, HĐQT tổ chức lấy phiếu tín nhiệm trong HĐQT. Nếu ứng viên đạt đa số phiếu biểu quyết nhất trí của các thành viên HĐQT thì HĐQT ra nghị quyết bổ nhiệm vị trí đã biểu quyết.

Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Điều hành

1. Chấp hành các quyết định và thực hiện các nghị quyết của HĐQT;

2. Chỉ đạo thực hiện quản lý, giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ hàng ngày của Công ty, ngoại trừ những việc thuộc thẩm quyền của HĐQT;
3. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường không trái với các quyết định của HĐQT; Chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
4. Xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư của Công ty;
5. Kiến nghị với HĐQT về cơ cấu tổ chức và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty;
6. Quyết định mức lương và các phụ cấp khác đối với người lao động theo Quy chế tiền lương được Công ty ban hành;
7. Tuyển dụng lao động trừ các vị trí thuộc thẩm quyền của HĐQT;
8. Kiến nghị với HĐQT phương án phân chia cổ tức hoặc xử lý thua lỗ trong kinh doanh;
9. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty và các nghị quyết của hội đồng quản trị.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Cán bộ quản lý

1. Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khi xin từ chức, phải làm đơn gửi người quản lý trực tiếp của mình. Người quản lý trực tiếp có trách nhiệm xem xét, lấy ý kiến và ra quyết định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến phê chuẩn của người quản lý trực tiếp, Cán bộ quản lý đó phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình tại đúng vị trí đã được bổ nhiệm.

2. Cán bộ quản lý Công ty có thể bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- 2.1. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ Công ty;
- 2.2. Do sức khỏe của cán bộ quản lý không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- 2.3. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm quy định Nội quy, Quy chế Công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt Hợp đồng lao động.

Điều 29. Các cuộc họp của Ban điều hành

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm Ban hành quy định về:

1. Tần suất tổ chức các cuộc họp của Ban điều hành;
2. Thủ tục tổ chức và tiến hành các cuộc họp của Ban điều hành;
3. Triệu tập, nội dung, tổ chức và chủ trì các cuộc họp Ban điều hành;
4. Thủ tục ra quyết định trong các cuộc họp của Ban điều hành và ký tất cả các văn bản, quyết định và biên bản cuộc họp Ban điều hành;
5. Hình thức và thời hạn thông báo họp;

6. Biểu quyết trong các cuộc họp của Ban điều hành;
7. Thư ký cuộc họp, biên bản các cuộc họp và chế độ lưu trữ;
8. Cuộc họp Ban Tổng Giám đốc điều hành chỉ có giá trị khi có ít nhất 1/2 số thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành dự họp. Việc vắng mặt phải có lý do chính đáng và được chấp thuận.

Điều 30. Chế độ lương thưởng và lợi ích khác cho Ban điều hành

1. Chế độ lương thưởng và lợi ích khác cho ban điều hành được quy định cụ thể tại Quy chế tiền lương của Công ty.
2. Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI

QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG

Điều 31. Nguyên tắc làm việc

1. Thành viên HĐQT, kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Công ty.
2. Tất cả các thành phần đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.

Điều 32. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của BKS

1. Đối với Ban điều hành Công ty: BKS có chức năng kiểm tra và giám sát. Cụ thể trình tự, thủ tục như sau:
 - 1.1. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và Người quản lý khác tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ.
 - 1.2. Đối với hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành, căn cứ vào các báo cáo hoạt động thường kỳ và những yêu cầu cung cấp thông tin cá biệt của BKS, BKS có quyền đề nghị HĐQT xem xét lại các quyết định của Tổng Giám đốc. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của Công ty, BKS có quyền đề nghị Tổng Giám đốc dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó. Trong vòng một (01) giờ kể từ khi yêu cầu, BKS phải thông báo ý kiến của BKS với HĐQT. Chủ tịch HĐQT sẽ ra thông báo về việc ngừng thực hiện quyết định của Tổng Giám đốc.
 - 1.3. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính khi phát hành phải được gửi đồng thời cho Ban kiểm soát.

1.4. Đối với việc sử dụng tư vấn độc lập bên ngoài, BKS phải thông tin về phạm vi, giá trị và các nội dung trọng yếu khác trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm xác lập dịch vụ đó.

2. Đối với HĐQT: BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể trình tự, thủ tục như sau:

2.1. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động (không dài hơn một quý), tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

2.2. Khi kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện thấy vụ việc đang diễn ra làm thiệt hại đến tài sản của Công ty, thì kiểm soát viên kiến nghị biện pháp giải quyết và báo cáo xin ý kiến chỉ đạo kịp thời của Trưởng BKS. Trường hợp không có biện pháp điều chỉnh nào tốt hơn, thì Trưởng BKS bàn bạc với HĐQT giải quyết sau đó có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ;

2.3. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

2.4. Đối với các kiến nghị sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

2.5. Đối với việc thẩm tra báo cáo tài chính được kiểm toán, BKS phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng 7 ngày;

2.5. Đối với các hồ sơ, tài liệu khác...mà HĐQT gửi đến BKS để có ý kiến thì BKS sẽ phản hồi trong vòng 15 ngày làm việc.

Điều 33. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của HĐQT

1. Đối với BKS:

1.1. Chương trình, nội dung các cuộc họp của HĐQT phải được gửi đến kiểm soát viên cùng thời gian gửi tới các thành viên HĐQT;

1.2. Các Nghị Quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Tổng Giám đốc) trong vòng 7 ngày kể từ ngày xác lập;

1.3. Đối với đề xuất của Ban kiểm soát về việc lựa chọn Kiểm toán độc lập, thì HĐQT phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng 7 ngày.

2. Đối với Ban điều hành Công ty:

Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất là 10 ngày.

Đối với việc HĐQT ủy quyền cho nhân viên cấp dưới (của HĐQT) hoặc

thành viên Ban điều hành theo Khoản 6 Điều 25 của Điều lệ:

- Nội dung này phải được thể hiện qua Nghị quyết hoặc văn bản ủy quyền có đa số các chữ ký của thành viên HĐQT;

- Được gửi bản chính đến Tổng Giám đốc và thông tin đến Thư ký Công ty;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của pháp luật về ủy quyền.

2.3. Các vấn đề mà HĐQT phê duyệt theo đề xuất của Tổng Giám đốc, HĐQT phải phản hồi trong vòng 10 ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận.

2.4. Các quyết định tạm đình chỉ quyết định của Tổng Giám đốc phải được lập thành văn bản và gửi Tổng Giám đốc.

2.5. Khi cần thiết HĐQT sẽ sử dụng nhân sự và trang thiết bị của Công ty để phục vụ công việc của HĐQT.

2.6. Trong trường hợp cấp thiết, vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ của mình, các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Người Quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty nhưng phải được sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản và gửi cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 24 giờ.

2.7. Các nội dung phê chuẩn giao dịch với Người có liên quan hoặc Giao dịch trọng yếu, HĐQT phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày.

2.8. Đối với các báo cáo đánh giá Tổng Giám đốc và thành viên Ban điều hành, HĐQT phải gửi bản dự thảo đến các đối tượng trước một thời gian hợp lý.

2.9. Trong trường hợp cuộc họp của HĐQT có mời kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành hoặc bất kỳ cấp quản lý nào thì HĐQT có trách nhiệm gửi thông báo mời họp, nội dung chuẩn bị (nếu có) trước ít nhất 7 ngày.

2.10. Đối với các chi tiêu, sử dụng chi phí của HĐQT, HĐQT phải có văn bản thuyết minh tính hợp lý khi gửi hồ sơ, chứng từ về Công ty.

Điều 34. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Ban điều hành

1. Đối với HĐQT:

1.1. Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành là cơ quan chấp hành, điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động diễn ra bình thường và có hiệu quả.

1.2. Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ hoặc một vụ việc thuộc phạm vi điều chỉnh của Chính sách quản lý khủng hoảng ... nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho HĐQT trong thời gian sớm nhất có thể và chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ về các quyết định đó.

1.3. Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của HĐQT nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với HĐQT và BKS bằng văn bản.

1.4. Đối với việc cho ý kiến về mức lương, lợi ích khác của Người quản lý, Tổng Giám đốc sẽ gửi trước ít nhất là trong vòng 5 ngày.

2. Đối với BKS: Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành khác có trách nhiệm tiếp thu và phối hợp trong công tác.

Điều 35. Chế độ hội họp, báo cáo

1. Tổng Giám đốc phải tổ chức và chủ trì các cuộc họp định kỳ hàng tuần, tháng, quý để triển khai kế hoạch công việc của Ban Điều hành.

2. Trong các cuộc họp tổng kết kết quả sản xuất kinh doanh năm hoặc các cuộc họp để chuẩn bị các đề án, các nội dung liên quan trình HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc người được ủy quyền mời HĐQT tham dự. Căn cứ vào nội dung cuộc họp, Chủ tịch HĐQT có thể trực tiếp tham dự hoặc cử thành viên HĐQT tham dự để chỉ đạo và phối hợp chuẩn bị nội dung. Chương trình và các tài liệu liên quan cần được gửi trước ít nhất 03 (ba) ngày cho các thành viên tham gia cuộc họp để họ có thời gian tìm hiểu và tham gia ý kiến tại cuộc họp.

3. Biên bản các cuộc họp phải được lập, ban hành đến cán bộ tham gia cuộc họp và lưu giữ tại trụ sở Công ty.

4. Trong các kỳ họp của HĐQT, Tổng Giám đốc báo cáo với HĐQT về tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh và kết quả triển khai các Nghị quyết của ĐHCĐ, Nghị quyết của HĐQT.

Điều 36. Ủy quyền giải quyết công việc

Những nội dung công việc do HĐQT ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện thì không được ủy quyền lại cho người thứ ba. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản.

CHƯƠNG VII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 37. Đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Ban điều hành và người điều hành khác.

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên HĐQT và Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá các cán bộ quản lý từ Phó Tổng giám, Trưởng phó phòng ban; Giám đốc, PGĐ các nhà máy, xí nghiệp để phân loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- Hoàn thành nhiệm vụ

- Không hoàn thành nhiệm vụ

Điều 38. Quy trình khen thưởng

1. Căn cứ vào kết quả đánh giá của HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc; Ban Tổng giám đốc đề xuất, trình HĐQT quyết định mức khen thưởng đối với cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Chế độ khen thưởng:

- Bằng tiền
- Bằng cổ phiếu, trái phiếu

Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty và nguồn hợp pháp khác.

3. Mức khen thưởng: Tùy vào tình hình thực tế hàng năm để xây dựng mức khen thưởng.

Điều 39. Xử lý vi phạm kỷ luật

Các TV HĐQT, BKS, Ban điều hành và người quản lý khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm pháp luật và các quy chế, quy định nội bộ thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan không được phép sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do LASUCO nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc tới những người liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật về công bố thông tin .

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6. Các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác hay người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Công ty.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 42. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, người trồng mía, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:

- Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;

- Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý.

3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

CHƯƠNG IX

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 43. Công bố thông tin thường xuyên

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Ngoài ra, Công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo Điều lệ Công ty và Quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 44. Công bố thông tin về quản trị Công ty

Định kỳ 6 tháng và năm Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị Công ty chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo. Nội dung tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:

- a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT và BKS;
- b. Hoạt động của HĐQT và BKS;
- c. Hoạt động của các tiểu ban của HĐQT (nếu có);
- d. Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị;
- e. Thù lao và chi phí cho thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc và kiểm soát viên;
- g. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của Công ty của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;
- h. Số lượng thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và BKS đã tham gia đào tạo về quản trị Công ty;
- i. Những điểm chưa thực hiện được theo quy định của Quy chế Quản trị Công ty, nguyên nhân và giải pháp.

Điều 45. Tổ chức công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin của Công ty được thực hiện theo “Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán” do Bộ tài chính ban hành.

2. Việc công bố thông tin phải thực hiện thông qua 01 người đại diện theo

pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin.

3. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

4. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.

CHƯƠNG X

KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Điều 46. Hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty được xây dựng dựa trên cơ sở các nguyên tắc sau:

1. Hoạt động liên tục, ổn định, không bị gián đoạn, cho phép Công ty xác định sớm sự chệch hướng hoạt động một cách kịp thời và ngăn ngừa các rủi ro liên quan trong tương lai;

2. Mỗi cá nhân tham gia vào quá trình kiểm soát nội bộ đều phải chịu trách nhiệm. Hoạt động của mỗi cá nhân thực hiện chức năng kiểm soát nội bộ phải được giám sát bởi một cá nhân khác trong hệ thống kiểm soát nội bộ;

3. Hệ thống KSNB giúp Công ty tránh sự chồng chéo các chức năng kiểm soát, đảm bảo có sự ủy quyền phù hợp và phê chuẩn hoạt động kinh doanh;

4. Tất cả các phòng ban của Công ty tích cực và phối hợp giúp hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động tốt.

Điều 47. Thành phần của hệ thống kiểm soát nội bộ

1. Môi trường kiểm soát: Hệ thống quy định nội bộ, các triết lý quản lý, nguyên tắc quản trị Công ty, phát triển nguồn nhân lực.

2. Đánh giá và quản lý rủi ro: Xác định, phân tích và các biện pháp để giảm thiểu rủi ro xuống mức có thể chấp nhận được.

3. Các hành động kiểm soát: Các chính sách, quy trình giúp đảm bảo các đơn vị, phòng ban, cá nhân thực hiện tuân thủ các quy định, quy chế nội bộ của Công ty.

4. Thông tin và truyền thông: Các thông tin phù hợp phải được xác định và liên lạc dưới hình thức và trong một khung thời gian đủ cho phép người lao động thực hiện trách nhiệm của họ.

5. Giám sát mức độ hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

6. Hoạt động kiểm soát nội bộ bao gồm Kiểm soát tuân thủ, kiểm soát tài chính và kiểm soát hoạt động.

Tùy vào sự phát triển của Công ty, hệ thống kiểm soát nội bộ sẽ được hoàn thiện và cập nhật để đảm bảo các mục tiêu kiểm soát của HĐQT, Ban Điều hành Công ty.

CHƯƠNG XI

XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC - LẬP KẾ HOẠCH HÀNG NĂM

Điều 48. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chiến lược

1. Mục tiêu: Thống nhất phương pháp lập kế hoạch chiến lược của Công ty cho các giai đoạn 3-5 năm, bao gồm trình tự triển khai, nội dung thực hiện, vai trò của các đơn vị tham gia vào quy trình, thời gian thực hiện, và danh mục các hồ sơ biểu mẫu liên quan.

2. Quy trình lập kế hoạch chiến lược. Kế hoạch chiến lược được xây dựng dựa trên các bước triển khai gồm:

2.1. Xác định tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu tổng quát: Thường trực HĐQT chủ trì thực hiện phân tích để xác định tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu tổng quát của Công ty trong giai đoạn cụ thể:

- Tầm nhìn: Công ty sẽ mong muốn đạt tới khát vọng cao nhất và trở thành như thế nào trong tương lai và con đường phải đi đến đích;

- Sứ mệnh: Là bản tuyên ngôn của Lasuco về khách hàng, sản phẩm dịch vụ, thị trường, công nghệ, doanh thu, lợi nhuận, cộng đồng, đời sống CBCNV...

- Giá trị cốt lõi: Là nền tảng và phát triển bền vững của Lasuco không phụ thuộc vào thời gian, các yếu tố tác động từ bên trong và bên ngoài.

2.2. Đánh giá thực trạng hoạt động của Công ty: Ban điều hành chỉ đạo các phòng ban chức năng đánh giá thực trạng hoạt động của Công ty trên các mặt:

a. Đánh giá môi trường kinh doanh

- Môi trường văn hóa xã hội của Tỉnh, của vùng mía Lam Sơn...

- Môi trường chính trị pháp luật (Quan điểm, mục tiêu định hướng phát triển của Chính phủ, của Tỉnh; các Văn bản pháp lý liên quan tới nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Các chính sách hỗ trợ; mức độ ổn định chính trị xã hội..);

- Môi trường kinh tế - công nghệ trong và ngoài nước;

- Môi trường cạnh tranh, phân tích đánh giá thị trường, nhu cầu của khách hàng và hành vi mua sắm của họ...

- Môi trường địa lý sinh thái trong vùng.

b. Đánh giá nội lực của Lasuco

- Đánh giá tình hình và hoạt động của Lasuco giai đoạn gần nhất (từ 3 đến 5 năm): Phân tích những điểm mạnh, yếu, nguyên nhân chủ quan, khách quan...

- Đánh giá vị trí hiện tại, xác định nguồn lực của Lasuco trên các mặt: Vùng nguyên liệu, thiết bị - công nghệ, tài chính, trình độ tổ chức quản lý, khả năng kiểm soát chi phối, tình hình thị trường...

- Phân tích đối thủ cạnh tranh: Xác định đối thủ hiện có trên thị trường và các đối thủ tiềm năng, khả năng hợp tác liên kết...

- Đánh giá tiềm lực vô hình (hình ảnh, uy tín, thương hiệu, sản phẩm, mối quan hệ...) trong và ngoài nước.

2.3. Xây dựng kế hoạch chiến lược

Trên cơ sở tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu tổng quát đã được HĐQT xác định; Thực trạng môi trường xã hội và nội lực của Công ty. Ban điều hành xây dựng các mục tiêu chiến lược bao gồm:

a. Xác định chiến lược phát triển sản phẩm, ngành nghề SXKD giai đoạn, có định hướng đến giai đoạn tiếp theo.

b. Xác định các chỉ tiêu chủ yếu: Sản phẩm, doanh thu, lợi nhuận (dự tính cho từng năm trong suốt giai đoạn).

c. Xây dựng chương trình trọng tâm gắn với các giải pháp triển khai trong giai đoạn.

d. Xây dựng kế hoạch đầu tư, xác định tổng mức đầu tư cho giai đoạn; xác định nguồn vốn.

e. Các đề xuất kiến nghị.

2.4. Thẩm định và phê duyệt

- Xin ý kiến đóng góp của các cá nhân, đơn vị liên quan.

- Xem xét tổng hợp và hoàn chỉnh trình Thường trực HĐQT thẩm định lại.

- Tổ chức bảo vệ lần cuối và hoàn thiện trình HĐQT thông qua và Trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua tại kỳ họp gần nhất.

- Tổ chức thực hiện: Sau khi được ĐHĐCĐ phê duyệt, HĐQT triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược với các nội dung chính:

- Lập Đề án tổng thể trình UBND Tỉnh xin chấp thuận địa điểm, diện tích cho đầu tư các sản phẩm mới, ngành nghề mới. Sau khi có văn bản chấp thuận của tỉnh tiến hành lập quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư đến từng sản phẩm, ngành nghề (các dự án thành phần).

- Tổ chức truyền thông kế hoạch chiến lược đến các đơn vị có liên quan.

- Các đơn vị có liên quan căn cứ KH chiến lược của Công ty xây dựng phương án, mục tiêu kế hoạch chiến lược và giải pháp tổ chức thực hiện cho đơn vị mình. Yêu cầu có bản cam kết thực hiện Kế hoạch chiến lược của từng đơn vị có liên quan.

- Tổng hợp kế hoạch chiến lược các đơn vị trình phê duyệt.

- Ban điều hành xây dựng và hoàn thiện hệ thống các quy trình, hướng dẫn/biểu mẫu tổ chức thực hiện KH chiến lược.

- Tổ chức thực hiện: Ban điều hành phân công trách nhiệm cụ thể nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả kế hoạch đã đề ra:

+ Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc.

+ Trách nhiệm của các phòng ban.

- + Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan.
- + Sự phối kết hợp trong hệ thống doanh nghiệp.
- Đề xuất các điều kiện để triển khai: Ban điều hành có trách nhiệm xây dựng phương án trình HĐQT phê duyệt triển khai thực hiện Kế hoạch chiến lược:
 - + Về nguồn nhân sự: Tuyển dụng và đào tạo
 - + Về cơ chế chính sách.
 - + Về thiết bị, công nghệ.
 - + Về phần mềm quản lý, quản trị doanh nghiệp.
 - + Về thị trường tài chính.

2.5. Đánh giá hiệu quả hoạt động của kế hoạch chiến lược: Để đánh giá hiệu quả của Kế hoạch chiến lược, Ban điều hành xây dựng các hệ thống các quy trình, thủ tục đánh giá và báo cáo với các nội dung chủ yếu sau:

- Xây dựng hệ thống chỉ tiêu đo lường hiệu quả hoạt động của Công ty và xác định các chỉ tiêu đo lường cho từng đơn vị.
- Báo cáo đánh giá tình hình và kết quả thực hiện từng đơn vị định kỳ hàng năm/vụ hoặc đột xuất theo yêu cầu của HĐQT.
- Tổng hợp báo cáo đánh giá chung toàn Công ty (năm/vụ). Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp năm tiếp theo.
- Điều chỉnh Kế hoạch chiến lược nếu xét thấy khả năng, điều kiện khó có thể hoàn thành, trình HĐQT thông qua ĐHCĐ thường niên năm gần nhất.
- Tổ chức đánh giá tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược cho giai đoạn đang triển khai.

Điều 49. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm

1. Mục tiêu: Thống nhất phương pháp lập kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty, bao gồm trình tự triển khai, nội dung thực hiện, vai trò của các đơn vị tham gia vào quy trình, thời gian thực hiện, và danh mục các hồ sơ biểu mẫu liên quan.

2. Việc lập và triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty tuân thủ các bước sau:

2.1. Xác định cơ sở tính toán, xây dựng: Ban điều hành chỉ đạo Phòng Kế hoạch chủ trì phối hợp với các phòng ban, đơn vị cung cấp số liệu xác định cơ sở tính toán để xây dựng kế hoạch năm của Công ty. Kế hoạch hàng năm được xây dựng dựa trên các căn cứ:

- Căn cứ mục tiêu định hướng chiến lược của Công ty trong giai đoạn triển khai;
- Căn cứ tình hình và kết quả hoạt động SXKD năm gần nhất;
- Căn cứ tình hình thực hiện định mức vật tư, năng lượng, định mức chi phí 3 - 5 năm gần nhất;

- Dự báo năng suất, sản lượng mía, cơ chế đầu tư, chính sách đầu tư, giá thu mua mía nguyên liệu niên vụ xây dựng KH;
- Dự báo thị trường tiêu thụ sản phẩm; giá cả vật tư, nguyên liệu đầu vào;
- Quy chế, cơ chế phân phối tiền lương hiện hành của Công ty;
- Năng lực về lao động, thiết bị, công nghệ các đơn vị sản xuất;
- Căn cứ Quy chế tổ chức hoạt động của các đơn vị;
- Căn cứ các quy định của Công ty và của pháp luật, chính sách kinh tế xã hội có liên quan;

Thời gian hoàn thành: Trước 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2.2. Xác định các chỉ tiêu cơ bản để xây dựng kế hoạch:

Phòng Kế hoạch chủ trì phối hợp với các Phòng chức năng tính toán và xác định các chỉ tiêu cơ bản đầu vào để xây dựng kế hoạch, bao gồm:

- Xác định chỉ tiêu mía nguyên liệu; phân bổ theo công suất ép từng nhà máy;
- Xác định cơ cấu sản phẩm đường, phân bổ cho từng nhà máy đường;
- Các định cơ cấu, chủng loại và số lượng sản phẩm sản xuất đối với các đơn vị sản xuất;
- Xác định doanh thu;
- Thời gian hoàn thành: Trước 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2.3. Thông báo cho các đơn vị triển khai lập kế hoạch chi tiết: Trên cơ sở các chỉ tiêu cơ bản, các đơn vị căn cứ chức năng nhiệm vụ xây dựng kế hoạch chi tiết, bao gồm:

- Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật cho từng sản phẩm, từng Nhà máy do Phòng kỹ thuật chủ trì;
- Xây dựng Phương án bảo vệ môi trường cho từng đơn vị do Phòng Kiểm soát chất lượng chủ trì;
- Xây dựng kế hoạch lao động - tiền lương cho từng đơn vị do Phòng TCHC chủ trì;
- Xây dựng phương án thu hoạch, vận chuyển vụ ép, kế hoạch sửa chữa giao thông vùng mía và kế hoạch trồng mía cho năm tiếp theo do Phòng Nông nghiệp chủ trì;
- Lập kế hoạch khấu hao TSCĐ do Phòng TCKT chủ trì;
- Xây dựng kế hoạch giá thành sản xuất cho từng sản phẩm; xác định tổng giá vốn sản xuất do Phòng Kế hoạch chủ trì;
- Xây dựng kế hoạch đầu tư XD/CB do Phòng Kế hoạch chủ trì;
- Xây dựng kế hoạch chi phí chung: Chi phí quản lý, chi phí bán hàng, chi phí hoạt động tài chính do Phòng TCKT chủ trì;

- Xây dựng kế hoạch thu nhập và chi phí khác do Phòng TCKT chủ trì;
 - Lập kế hoạch, phương án sản xuất đến từng tháng do các đơn vị sản xuất chủ trì;
 - Xây dựng phương án bán hàng do Trung tâm thương mại chủ trì;
- Thời gian hoàn thành: Trước 55 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2.4. Kiểm tra, tổng hợp và tổ chức bảo vệ kế hoạch: Sau khi các đơn vị đã lập kế hoạch chi tiết, Phòng Kế hoạch có trách nhiệm:

- Tiếp nhận, kiểm tra và tổng hợp kế hoạch chi tiết các đơn vị gửi đến. Tính toán, cân đối lại định mức, doanh thu, lợi nhuận... tổng hợp thành bộ kế hoạch chung của Công ty;
 - Tổ chức thẩm tra, thẩm định;
 - Tổ chức cho các đơn vị bảo vệ kế hoạch;
- Thời gian hoàn thành: Trước 50 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2.5. Hoàn thiện và trình phê duyệt:

- Sau khi các đơn vị đã bảo vệ kế hoạch, Phòng Kế hoạch kiểm tra, hoàn thiện lại kế hoạch theo góp ý tại buổi bảo vệ.
- Thời gian hoàn thành: Trước 40 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- Ban điều hành lập các thủ tục trình HĐQT phê duyệt kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm.
- Thời gian hoàn thành: Trước 35 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- HĐQT lập tờ trình trình ĐHCĐ thông qua tại ĐHCĐ thường niên (tổ chức trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính).

2.6. Giao kế hoạch cho các đơn vị:

Ban điều hành lập các thủ tục (quyết định) giao kế hoạch, định mức, quỹ lương... gắn với cơ chế thưởng phạt cho các đơn vị, các phòng ban có liên quan trên cơ sở Kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt.

2.7. Tổ chức thực hiện kế hoạch:

Trên cơ sở kế hoạch được giao, các đơn vị cân đối, lập phương án tổ chức thực hiện kế hoạch, phân ra các quý, tháng. Đối với công việc phát sinh ngoài kế hoạch Công ty giao, khi thực hiện phải có đề xuất, có dự toán được thẩm tra duyệt mới tổ chức triển khai.

2.8. Theo dõi, giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch: Ban điều hành thiết lập các quy định, quy trình, biểu mẫu nhằm theo dõi, đánh giá việc thực hiện kế hoạch:

- Thiết lập hệ thống các biểu mẫu phục vụ cho công tác đánh giá tình hình thực hiện KH cấp độ Công ty giúp cho Ban điều hành, HĐQT xem xét chấn chỉnh kịp thời;

- Hàng tháng, quý, năm đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch chung toàn Công ty báo cáo Tổng Giám đốc trình HĐQT.

- Điều chỉnh kế hoạch: Phòng Kế hoạch chịu trách nhiệm đánh giá tổng thể tình hình thực hiện kế hoạch 6 tháng hoặc 9 tháng đầu năm. Nếu xét thấy mất cân đối, khả năng khó đạt kế hoạch đã giao về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận sẽ tính toán lại và lập các thủ tục trình HĐQT xem xét báo cáo ĐHCĐ thông qua.

CHƯƠNG XII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN, THẨM QUYỀN SỬA ĐỔI BỔ SUNG QUY CHẾ

Điều 50. Vi phạm và xử lý các vi phạm

1. HĐQT, thành viên HĐQT và các tổ chức cá nhân có liên quan trong phạm vi nội bộ Công ty có trách nhiệm tuân thủ nghiêm ngặt các quy định trong bản quy chế này.

2. Tổ chức hoặc cá nhân nào vi phạm các quy định trong bản quy chế này sẽ được xử lý theo nội quy kỷ luật của Công ty. Riêng các thành viên HĐQT vi phạm có thể được kiểm điểm trước tập thể HĐQT hoặc đưa ra Đại hội đồng cổ đông gần nhất để được xem xét quyết định hình thức kỷ luật theo mức độ và tính chất vi phạm.

3. Hình thức xử lý tối đa đối với thành viên HĐQT vi phạm quy chế này là bãi nhiệm chức danh thành viên HĐQT.

Điều 51. Thời hạn và thẩm quyền cập nhật, sửa đổi

HĐQT là cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, tu chỉnh bản quy chế này. Căn cứ đề nghị của Ban lập quy, kiến nghị của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hoặc có sự điều chỉnh của pháp luật Nhà nước về những nội dung có liên quan đến các quy định trong quy chế này.

Điều 52. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

Quy chế này gồm 12 chương 52 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty CP mía đường Lam Sơn nhất trí thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2017. Những quy định trước đây trái với quy định tại Quy chế này đều không còn hiệu lực.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2017-2018
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017-2018 ngày 25/11/2017.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua báo cáo của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành và quản trị niên độ 2016-2017; Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát và Báo cáo tài chính năm 2016-2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Điều 2: Đại hội thống nhất thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận niên độ 2016- 2017 như sau:

TT	CHỈ TIÊU	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế các năm trước chuyển sang	31.668.506.997
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2016/2017	103.372.598.429
-	Lợi nhuận trước thuế năm 2016/2017	123.205.312.136
-	Thuế TNDN phải nộp	19.832.713.707
-	Lợi nhuận sau thuế 2016/2017	103.372.598.429
3	Lợi nhuận phân phối	103.372.598.429
4	Trích lập các quỹ (theo quy định)	20,674,519,686
-	Trích lập quỹ đầu tư phát triển (10%)	10.337.259.843
-	Trích lập quỹ khen thưởng (5%)	5.168.629.921
-	Trích lập quỹ phúc lợi (5%)	5,168,629,921
5	Phân phối cổ tức 10%	70.000.000.000
-	Tạm ứng bằng tiền mặt: 8%VCP (800 đ/CP) ngày 21/09/2017	56.000.000.000
-	Thanh toán cổ tức còn lại	14.000.000.000
6	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	44.366.585.740

Lợi nhuận còn lại chưa phân phối sau khi quyết toán với cơ quan thuế sẽ được phân phối vào kỳ sau.

Điều 3: Đại hội thống nhất thông qua Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2017-2018:

ĐVT: 1000 đồng VNĐ

TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NIÊN ĐỘ 2016/2017	KẾ HOẠCH NIÊN ĐỘ 2017/2018	SO SÁNH (%)
1	Tổng doanh thu (có VAT)	2.127.129.241	2.500.000.000	117,5
2	Doanh thu thuần	2.023.794.340	2.380.000.000	117,6
3	Lợi nhuận trước thuế	123.205.312	125.000.000	101,6
4	Cổ tức (%) *	10	12	120,0
5	Nộp ngân sách	82.200.000	85.000.000	103,4

Điều 4: Thông qua Tờ trình trả thù lao và chi phí hoạt động niên độ 2017-2018 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

4.1. Đại hội thống nhất thông qua chi phí hoạt động và trả thù lao cho HĐQT và BKS là 0,4% tổng doanh thu có VAT. Trong đó trả thù lao niên độ 2017-2018 cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát với mức cụ thể là:

* **Hội đồng quản trị:**

- Chủ tịch: 15 triệu đồng/tháng
- Phó chủ tịch: 10 triệu đồng/tháng
- Ủy viên: 8 triệu đồng/tháng

* **Ban kiểm soát:**

- Trưởng ban: 10 triệu đồng/tháng
- Ủy viên: 5 triệu đồng/tháng

4.2. Thưởng cho HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Cán bộ công nhân viên Công ty 20% lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch do Đại hội cổ đông giao

Điều 5: Thông qua Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ 2017-2018

Đại hội thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam là công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017-2018 của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất.

Điều 6: Thông qua Tờ trình sửa đổi điều lệ Công ty và sửa đổi Quy chế quản trị Công ty

Đại hội thống nhất thông qua:

- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
- Tờ trình sửa đổi quy chế quản trị Công ty

Đại hội đồng cổ đông ủy nhiệm cho Hội đồng quản trị hoàn thiện để đăng ký với các cơ quan Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 7: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017- 2018 thông qua và có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lãnh đạo Ban điều hành và các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung tại Nghị quyết này theo đúng quy định.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

BAN KIỂM SOÁT

CHỦ TỊCH HĐQT

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỖ THỊ THANH HÀ

LÊ VĂN TAM

LÊ VĂN PHƯƠNG